

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/2022/CBTT/TDBECO

Cần Thơ, ngày 12 tháng 4 năm 2022


CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

- Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN – TÂY ĐÔ
 - Mã chứng khoán: STD
 - Địa chỉ: Lô 22, KCN Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
 - Điện thoại liên hệ: 02923.842538 Fax: 02923.842310
 - E-mail: info@sgtd.com.vn
 - Loại thông tin công bố: Định kỳ
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo thường niên năm 2021.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 12/04/2022 tại đường dẫn: www.biasaigontaydo.com.vn/quan-he-co-dong.html

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

❖ **Tài liệu đính kèm:**

Báo cáo thường niên năm 2021. 

Nơi nhận:

- Như trên,
- Lưu.

**CÔNG TY CP BIA – NƯỚC GIẢI KHÁT
SÀI GÒN – TÂY ĐÔ**

Người UQ CBTT 





(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRẦN CÔNG TOẠI



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ

-  Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
-  www.sgtd.com.vn
-  02923.842.538
-  02923.842.310



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ



**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021**

MỤC LỤC

1 THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát
2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4. Định hướng phát triển
5. Các rủi ro

2 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tổ chức và nhân sự
3. Tình hình tài chính
4. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
5. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

4 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

5 QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị
2. Ban Kiểm soát
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

6 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán





PHẦN 1

THÔNG TIN CHUNG

- 1 Thông tin khái quát
- 2 Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- 3 Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- 4 Định hướng phát triển
- 5 Các rủi ro



THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch:	CÔNG TY CỔ PHẦN BIA-NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN-TÂY ĐÔ
Tên tiếng anh:	SAIGON – TAY DO BEER – BEVERAGE JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt:	TDBECO
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1800641942 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp ngày 21 tháng 09 năm 2006, đăng ký thay đổi lần 4, ngày 28 tháng 03 năm 2017.
Vốn điều lệ:	200.000.000.000 đồng (Hai trăm tỷ đồng)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:	200.000.000.000 đồng
Địa chỉ:	Lô 22, Khu công nghiệp Trà Nóc 1, P. Trà Nóc, Q. Bình Thủy, TP. Cần Thơ
Số điện thoại:	02923.842.538
Số fax:	02923.842.310
Website	www.sgtd.com.vn hoặc www.biasaigontaydo.com.vn
Mã cổ phiếu:	STD





LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Công ty được thành lập. Tài sản, máy móc thiết bị sản xuất nước giải khát được TDBECO nhận chuyển nhượng lại từ Công ty TNHH Nước Giải Khát Việt Nam.

09/2006



10/2006

Công ty quyết định đầu tư dây chuyền chiết lon mới với công suất 18.000 lon/giờ.

11/2007



Công ty quyết định đầu tư dự án sản xuất bia công suất 25 triệu lít/năm.



02/2009

Công ty quyết định đầu tư mở rộng nâng công suất hệ thống dây chuyền thiết bị sản xuất bia từ 25 triệu lít/năm lên 40 triệu lít/năm.

Công ty quyết định đầu tư chiều sâu, nâng cao công suất dây chuyền sản xuất bia từ 40 triệu lít lên 70 triệu lít/năm.

01/2013



Số lượng cổ đông của Công ty đạt mức 115 cổ đông với vốn điều lệ là 200 tỷ đồng. Tại thời điểm này, CTCP Bia - NGK Sài Gòn - Tây Đô đủ điều kiện là công ty đại chúng. Trong năm, Công ty cũng đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận đăng ký công ty đại chúng theo quy định.



03/2017

Ngoài việc mở rộng hoạt động kinh doanh, Công ty cũng nâng mức vốn điều lệ ban đầu từ 45 tỷ đồng đến 200 tỷ đồng và hoàn thành đăng ký điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 04 với Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ.

05/2017



Công ty chính thức thay đổi bộ nhận diện thương hiệu Bia Sài Gòn, đổi mới bao bì các dòng sản phẩm do Nhà máy Bia Sài Gòn - Tây Đô sản xuất.



08/2019

Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Chứng khoán số 40/2019/GCNCP-VSP, với tổng số lượng đăng ký là 20.000.000 cổ phiếu.

09/2019



Công ty hoàn thành thủ tục thông báo thay đổi ngành nghề kinh doanh và đã được phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp giấy xác nhận.



11/2021



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu của Công ty bao gồm:

- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia.
- ✓ Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng.

Địa bàn kinh doanh

Công ty có địa bàn kinh doanh toàn quốc.



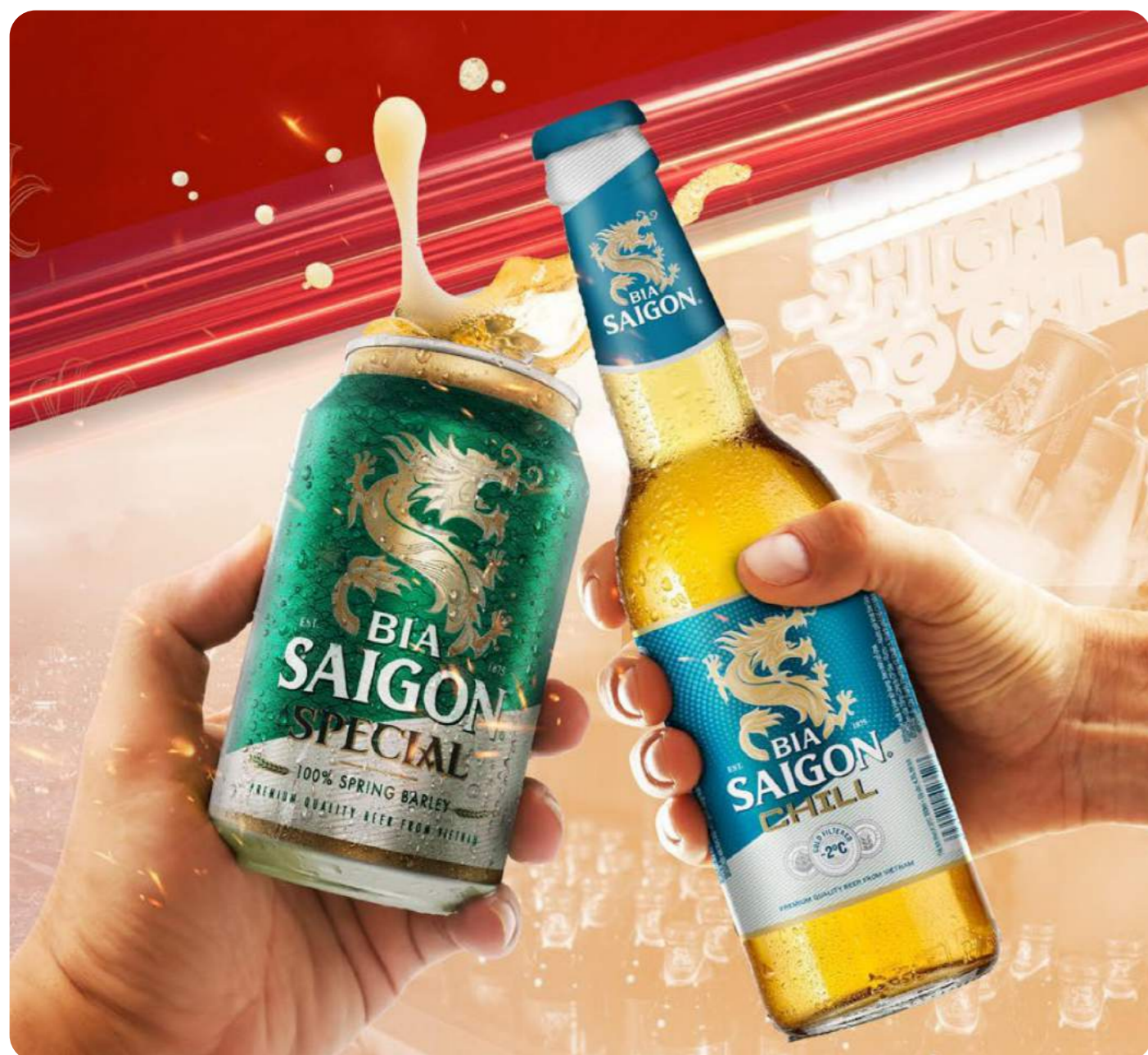


THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

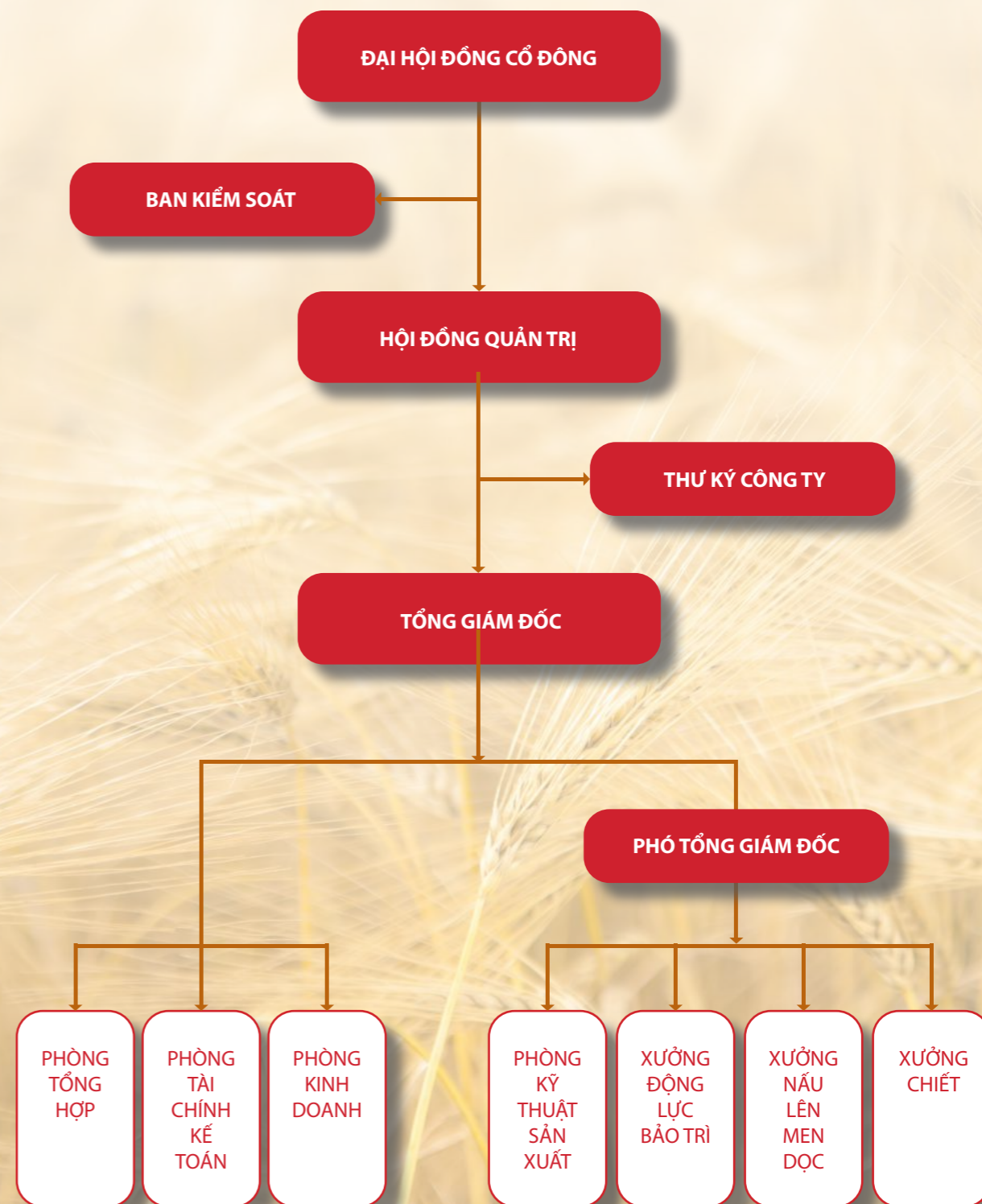
Mô hình quản trị

Hiện nay, Công ty Cổ phần Bia – Nước giải khát Sài Gòn – Tây Đô được tổ chức theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định có liên quan với mô hình bao gồm:

- ✓ Đại hội đồng cổ đông
- ✓ Hội đồng quản trị
- ✓ Ban kiểm soát
- ✓ Ban Tổng Giám đốc.



Cơ cấu bộ máy quản lý



Các Công ty con, Công ty liên kết: Không có



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

Trong quá trình hình thành và phát triển, Công ty luôn chú trọng công tác huy động và sử dụng vốn một cách hiệu quả trong việc phát triển các ngành nghề sản xuất kinh doanh đã đăng ký. Bên cạnh đó, Công ty luôn hướng đến việc tối đa hoá lợi nhuận, gia tăng lợi tức cho các cổ đông, tạo công ăn việc làm ổn định, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao phúc lợi cho người lao động và làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước; từ đó hướng đến mục tiêu nâng cao giá trị thương hiệu, uy tín và phát triển bền vững của Công ty.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Để đáp ứng cho sự phát triển bền vững, Công ty thường xuyên thực hiện công tác bảo trì, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng, lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị dự phòng để sản phẩm cung cấp ra thị trường đảm bảo các tiêu chuẩn theo quy định và đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường về sản lượng, chất lượng và mẫu mã sản phẩm.



Nhận thức được vai trò của đổi mới và sáng tạo trong thời kỳ đổi mới, Công ty luôn tích cực nghiên cứu, tìm ra các giải pháp cải tiến công nghệ, để giảm tiêu hao nguyên nhiên, vật liệu và duy trì, nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống cho phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Đồng thời, tiếp tục nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, hướng đến việc xây dựng một số thương hiệu bia mang tầm quốc gia.



Công ty đã và đang xây dựng kế hoạch đầu tư sản xuất nước giải khát với quy mô lớn, thiết bị, công nghệ hiện đại, bảo đảm an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường; ưu tiên sản xuất nước giải khát từ hoa quả tươi và các loại nước giải khát bổ dưỡng.



Trong nhiều năm qua, Công ty luôn thực hiện quy chế phân phối lương thưởng, các chế độ chính sách cho người lao động và các cam kết trong Thỏa ước Lao động tập thể góp phần đảm bảo cho người lao động cơ bản có việc làm và thu nhập ổn định.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- ✓ Nghiêm chỉnh chấp hành pháp luật về công tác kiểm tra, giám sát tác động của hoạt động sản xuất đến môi trường nhằm kịp thời có biện pháp xử lý bảo vệ môi trường sản xuất.
- ✓ Ưu tiên phát triển và áp dụng công nghệ mới, đảm bảo các chất thải đầu ra phải đáp ứng đúng các chỉ tiêu theo quy định và không gây ô nhiễm môi trường.
- ✓ Thường xuyên duy trì hệ thống cảnh quan, công viên, tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp.
- ✓ Tích cực tham gia các công tác xã hội, các chương trình thiện nguyện, đền ơn đáp nghĩa và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại địa bàn hoạt động.





Rủi ro kinh tế

Sự biến động của các yếu tố kinh tế vĩ mô như tăng trưởng kinh tế, biến động lạm phát,... có thể ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nước. Năm 2021, nền kinh tế Việt Nam đã trải qua những khó khăn và biến động lớn. Cụ thể, trong 4 tháng đầu năm 2021, nền kinh tế vẫn đang trong trạng thái phục hồi, đại dịch được kiểm soát khá tốt, các hoạt động sản xuất kinh doanh vẫn rất sôi nổi. Tuy nhiên, trong 5 tháng kế tiếp, làn sóng Covid-19 lần thứ tư xuất hiện khiến nhiều hoạt động kinh tế bị trì trệ. Nhiều doanh nghiệp phải đóng cửa hoặc không hoạt động hết công suất. Đặc biệt là vào quý 3/2021, GDP của Việt Nam đã giảm tới 6,17% so với cùng kỳ năm 2020; đây là mức giảm sâu nhất kể từ khi Việt Nam bắt đầu tính và công bố số liệu GDP quý đến nay. Sau đó, giai đoạn từ tháng 9 cho tới nay, thông tin giãn cách xã hội được nới lỏng, tiến độ tiêm chủng cũng được gấp rút đẩy mạnh, nền kinh tế mới bắt đầu cho thấy những tín hiệu phục hồi nhưng vẫn còn chưa đồng đều. Trong đó, sự phục hồi trong lĩnh vực bán lẻ, dịch vụ và ăn uống còn tương đối chậm do nhu cầu tiêu thụ thấp. Do đó, tốc độ tăng trưởng GDP trong



năm 2021 chỉ khoảng 2,58%. Bên cạnh đó, theo Tổng cục Thống kê, Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) bình quân năm 2021 tăng 1,84% so với năm trước, vẫn đạt được mục tiêu mà Quốc hội đã đề ra là dưới mức 4%.

Trước tình hình dịch bệnh và khó khăn như trên, Ngành bia là một trong những ngành phải chịu nhiều tác động rõ rệt. Trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội, các hoạt động ăn uống, dịch vụ giải trí buộc phải đóng cửa, dẫn đến kênh phân phối tiêu dùng tại chỗ (on-premise), một kênh chiếm phần lớn tổng lượng bia tiêu thụ tại Việt Nam bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Theo đó, doanh thu của các doanh nghiệp ngành bia, trong đó có TDBECO bị sụt giảm mạnh. Trong tình hình trên, trong năm 2022, để tránh rủi ro dịch bệnh tiếp tục diễn biến phức tạp và kéo dài, Ban lãnh đạo Công ty luôn linh hoạt, cập nhật thực trạng nền kinh tế và tuân thủ quy định phòng chống dịch để duy trì hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, Công ty cũng điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động của dịch Covid-19.

Rủi ro pháp luật

Công ty hoạt động dưới hình thức là công ty đại chúng nên sẽ bị chi phối bởi nhiều văn bản pháp luật khác nhau như: Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Luật thuế,... Ngoài ra, lĩnh vực hoạt động của Công ty là sản xuất và kinh doanh bia nên sẽ chịu ảnh hưởng từ các văn bản pháp luật có liên quan khác, đặc biệt là Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật phòng chống tác hại của rượu bia.

Trong những năm qua, thuế suất Thuế tiêu thụ đặc biệt đối với các sản phẩm bia đang có xu hướng tăng dần qua các năm, cụ thể mức thuế suất năm 2016 là 55%, năm 2017 là 60% và từ 2018 đến nay là 65%. Do đặc thù này, lợi nhuận sau thuế của các công ty sản xuất bia bị ảnh hưởng khá nhiều, trong đó có TDBECO. Bên cạnh đó, dư âm từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP về xử phạt hành chính việc sử dụng rượu bia và đồ uống có cồn khi tham gia giao thông cũng gây ra những tác động dài hạn đến doanh thu của Công ty. Ngoài ra, những quy định được ban hành gần đây cũng cho thấy rằng các chính sách nhà nước về việc hạn chế tác hại khi sử dụng đồ uống có cồn đang ngày càng khắt khe hơn, gây ra những ảnh hưởng nhất định đến kết quả kinh doanh của Công ty, cụ thể:



✓ Nghị định 24/2020/NĐ-CP đưa ra các quy định nghiêm ngặt hơn trong việc quảng bá hình ảnh của các doanh nghiệp trong ngành bia. Luật cũng yêu cầu quảng cáo bia, rượu phải bao gồm các cảnh báo về sức khỏe và cấm các cửa hàng bán rượu cho những người dưới 18 tuổi.

Nghị định 117/2020/NĐ-CP cũng có phần quy định về phòng chống tác hại rượu bia, bao gồm hình phạt đối với cả hành vi ép buộc người khác uống rượu bia.

Để hạn chế được rủi ro này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu và nắm bắt những quy chế mới, từ đó kịp thời để tuân thủ theo pháp luật nhưng vẫn duy trì mức độ kinh doanh ổn định và hiệu quả.





Rủi ro cạnh tranh

Trong bối cảnh thị trường vẫn còn nhiều khó khăn, Việt Nam vẫn thuộc nhóm các quốc gia có sản lượng tiêu thụ bia cao. Trong khi đó, nếu dịch bệnh được kiểm soát, thị trường hoạt động bình thường trở lại vào năm 2022 thì cuộc chiến cạnh tranh thị phần và lợi nhuận giữa các doanh nghiệp trong ngành bia vẫn thể chưa thể hạ nhiệt. Do đó, các doanh nghiệp ngành bia, trong đó có TDBECO buộc phải nỗ lực vươn lên để giữ thị phần.

Trong tình hình trên, Công ty phải đối mặt với những đối thủ cả trong lẫn ngoài nước và đặc biệt chịu sự cạnh tranh ngày càng gay gắt từ các công ty thuộc phân khúc bia cao cấp và tốt cho sức khỏe như Heineken, Tiger, Budweiser... Cụ thể, các hãng bia đua nhau cho ra đời các sản phẩm mới, đổi mới công tác bán hàng, tiếp thị nhằm đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng:

- ✓ Đầu năm 2020, Heineken cho ra mắt Bia Việt, bia không cồn.
- ✓ Sau đó, các sản phẩm mới như Bia Lạc Việt, Saigon Chill của SABECO cùng xuất hiện trên thị trường.
- ✓ Năm 2021, HABECO cho ra mắt thị trường sản phẩm Bia hơi Hà Nội, HALOBECO cũng tung ra sản phẩm mới Bia Rống Việt

Để nắm bắt xu hướng và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty đã và đang thông qua việc cải tiến chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác nghiên cứu và phát triển để đa dạng hóa sản phẩm và gia tăng hơn nữa sức mạnh thương hiệu Bia Saigon.

Rủi ro nguyên vật liệu

Là doanh nghiệp hoạt động chính trong ngành sản xuất bia, Công ty phải luôn đảm bảo có sẵn nguồn cung nguyên vật liệu dồi dào để đáp ứng đủ nhu cầu thị trường. Tuy nhiên, nguồn nguyên liệu đầu vào của Công ty lại có sự phụ thuộc chặt chẽ đến nhóm ngành nông nghiệp. Cụ thể, ba nguyên liệu chính dùng trong sản xuất bia cũng như đóng vai trò quyết định đối với chất lượng và hương vị bia thành phẩm là malt, hoa bia và ngũ cốc. Đây là những sản phẩm nông nghiệp bị ảnh hưởng trực tiếp bởi thời tiết và vụ mùa. Do đó, nếu khí hậu biến đổi làm cho việc trồng trọt gặp nhiều khó khăn sẽ gây ra sự thiếu hụt trong nguồn cung nguyên liệu đầu vào của Công ty. Hiện nay, Việt Nam vẫn chưa trồng được hoa bia và malt đại mạch, do đó các nguyên liệu này phải nhập khẩu vào từ các quốc gia sản xuất tại châu Âu, Úc... Những nguyên liệu chính đều phụ thuộc vào nguồn cung thị trường nước ngoài, trong khi đó sản phẩm tiêu thụ chủ yếu ở thị trường nội địa nên khi tỷ giá biến động bất lợi sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu nguyên liệu sản xuất bia và từ đó tác động làm sụt giảm lợi nhuận của Công ty.

Mặc dù, Công ty gặp phải một số khó khăn trong việc chủ động nguồn cung và phải chịu rủi ro lớn về tỷ giá nhưng nhờ vào sự hỗ trợ cung cấp nguyên liệu đầu vào từ Tổng Công ty – Bia - Rượu NGK Sài Gòn (SABECO) nên những khó khăn này của Công ty phần nào được giảm thiểu. Ngoài ra, để chủ động giảm thiểu rủi ro, Công ty cũng thực hiện một số biện pháp làm giảm thiểu tác động chi phí như: cân bằng giữa chi phí lưu trữ và việc đảm bảo có đủ nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất; thử nghiệm và đưa vào sử dụng các loại bao bì mới giúp giảm chi phí và góp phần bảo vệ môi trường... Vì vậy, thậm chí đối với tình hình dịch bệnh Covid-19, công ty vẫn có sẵn nguồn cung dồi dào cho thị trường.

Rủi ro bất khả kháng

Những rủi ro khác bao gồm những rủi ro không thể dự đoán trước được như thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ... Những sự kiện này tuy có xác suất xảy ra thấp nhưng có tác động lớn đến tình hình kinh doanh của công ty. Đặc biệt là trong tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp như hiện nay, Công ty luôn triển khai và tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong phòng chống dịch bệnh Covid-19 để đảm bảo sức khỏe người lao động, thực hiện mua bảo hiểm cháy nổ và mọi rủi ro khác với tất cả tài sản của Công ty nhằm hạn chế tổn thất khi xảy ra sự cố. Ngoài ra, Công ty luôn cố gắng thực hiện tốt công tác phòng chống cháy nổ bằng cách tổ chức huấn luyện lực lượng an toàn lao động, trang bị đủ phương tiện đối với đội phòng cháy chữa cháy tại chỗ để đảm bảo không có sự cố và thiệt hại nào xảy ra.



PHẦN 2

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

- 1 Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tổ chức và nhân sự
- 3 Tình hình tài chính
- 4 Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu
- 5 Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



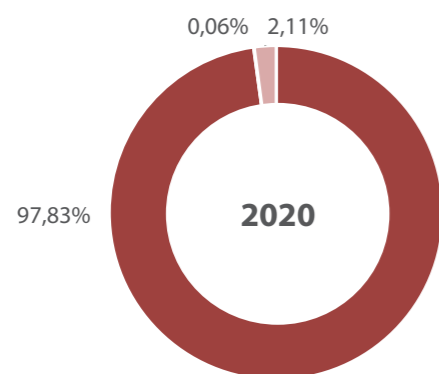
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

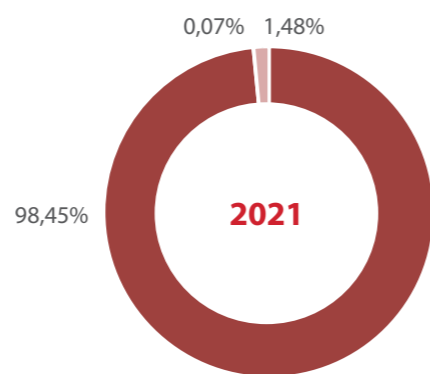
Cơ cấu doanh thu

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		%Tăng/Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Doanh thu bán thành phẩm	336.037	97,83%	286.505	98,45%	-14,73%
2	Doanh thu cung cấp dịch vụ	209	0,06%	208	0,07%	-0,48%
3	Doanh thu khác	7.253	2,11%	4.309	1,48%	-40,59%
Tổng cộng		343.498	100%	291.021	100%	-15,27%



- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác



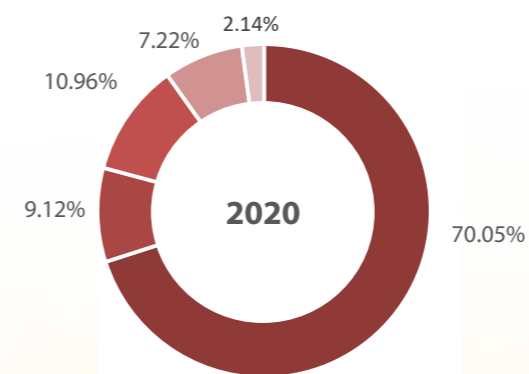
- Doanh thu bán thành phẩm
- Doanh thu cung cấp dịch vụ
- Doanh thu khác

Trong năm 2021, do quy định giãn các xã hội kéo dài dưới tác động từ sự bùng phát của đại dịch Covid-19 và dư âm từ nghị định 100/2019/NĐ-CP khiến cho doanh thu của Công ty có sự sụt giảm so với cùng kỳ năm trước. Theo đó, tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty trong năm 2021 đạt 286,505 tỷ đồng, tương đương với mức giảm 14,73% so với năm 2020. Trong đó, mảng bán hàng thành phẩm có tỷ lệ đóng góp cao nhất trong cơ cấu doanh thu của Công ty (chiếm khoảng 98,45% tổng giá trị); các mảng doanh thu còn lại như doanh thu cung cấp dịch vụ và doanh thu khác cũng có xu hướng giảm nhưng chiếm tỷ trọng không đáng kể trong cơ cấu doanh thu của Công ty.

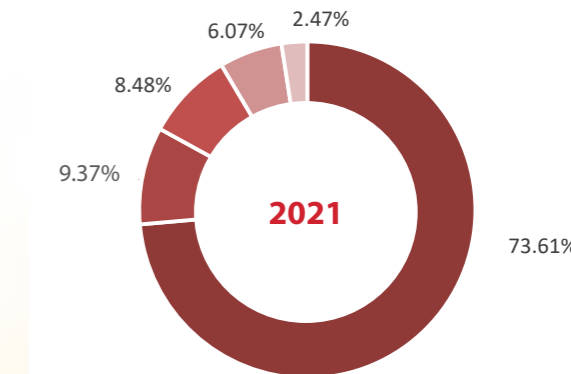
Cơ cấu chi phí

ĐVT: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2020		Năm 2021		%Tăng/Giảm
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
1	Chi phí nguyên vật liệu	217.975	70,05%	205.633	73,61%	-5,66%
2	Chi phí nhân công và nhân viên	28.365	9,12%	26.177	9,37%	-7,71%
3	Chi phí khấu hao	34.113	10,96%	23.700	8,48%	-30,53%
4	Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.028	7,72%	16.947	6,07%	-29,47%
5	Chi phí khác	6.669	2,14%	6.897	2,47%	+3,43%
Tổng cộng		311.149	100%	279.354	100%	-10,22%



- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công và nhân viên
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác



- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công và nhân viên
- Chi phí khấu hao
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác

Tổng chi phí hoạt động phát sinh trong năm 2021 là 279,4 tỷ đồng, giảm 10,22% so với năm 2020, cụ thể:

- Do đặc thù ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là sản xuất bia và nước giải khát nên chi phí nguyên vật liệu là chỉ tiêu chiếm tỷ trọng cao nhất trong cơ cấu chi phí với tỷ lệ là 73,61%,... Chỉ tiêu này giảm 5,66% so với năm trước.
- Chi phí nhân công và nhân viên giữ tỷ trọng ổn định và giảm nhẹ 7,71% do Công ty đã tiến hành thực hiện các biện pháp tiết kiệm chi phí nhân công bằng hình thức bố trí nghỉ chờ việc theo sản lượng tiêu thụ thực tế của mỗi tháng.
- Chi phí khấu hao giảm mạnh 30,53% (tương ứng giảm 10,413 tỷ đồng) so với năm trước.
- Các khoản mục còn lại như chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác cũng có xu hướng giảm so với năm 2020 nhưng chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu chi phí hoạt động.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH (TIẾP THEO)

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2020	TH 2021	KH 2021	TH 2021/ TH 2020	TH 2021/ KH 2021
Doanh thu thuần	Triệu đồng	343.498	291.021	398.547	84,72%	73,02%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	23.934	17.605	27.338	73,55%	64,40%
Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	18.994	13.913	21.871	73,25%	63,62%

Trong năm 2021, sự bùng phát của đại dịch Covid-19 tại Việt Nam cùng biện pháp giãn cách xã hội của Chính phủ đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, các bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Cụ thể, doanh thu thuần của Công ty đã giảm đáng kể, ghi nhận ở mức 291 tỷ đồng, tương ứng bằng 84,72% năm 2020 và đạt 73,02% chỉ tiêu kế hoạch đề ra. Theo đó, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận ở mức gần 13,9 tỷ đồng, đạt 73,25% so với cùng kỳ năm trước và 63,62% so với kế hoạch. Trước tình hình khó khăn trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng giải pháp mới linh

hoạt để hạn chế tối đa sự gián đoạn của hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính do dịch bệnh. Do đó, kết quả kinh doanh của Công ty vẫn khả quan so với tình hình chung. Trong thời gian tới, khi dịch bệnh được kiểm soát tốt, nền kinh tế cũng như ngành bia được phục hồi, Ban Lãnh đạo Công ty cùng tập thể Công Nhân viên TDBECO sẽ cùng nhau nỗ lực hướng đến hoàn thành được kế hoạch mà Đại hội cổ đông giao phó.





Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Trần Xuân Tộ	Tổng Giám đốc	129.672	0,648%
2	Trần Công Toại	Phó Tổng Giám đốc	21.903	0,110%
3	Phan Duy Linh	Kế toán trưởng	32.456	0,162%



Lý lịch Ban điều hành



Ông Trần Xuân Tộ

Tổng Giám đốc (Đến ngày 31/12/2021)

Năm sinh: 1958
Nơi sinh: Nam Định
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư quản lý kinh tế công nghiệp
Quá trình công tác:

01/1979 - 05/1982:	Cán bộ Ban cải tạo Nông nghiệp Miền Nam.
06/1982 - 03/1984:	Nhân viên công ty Hơi kỹ nghệ que hàn.
04/1984 - 05/1995:	Tổ trưởng tổ CO2 - Nhà máy Rượu Bình Tây.
06/1995 - 12/1998:	Phó Quản Đốc phân xưởng - Nhà máy Rượu Bình Tây - Công ty Bia Sài Gòn.
01/1999 - 10/2005:	Quản Đốc phân xưởng Bia - CTCP Rượu Bình Tây.
11/2005 - 05/2007:	Trưởng Phòng Kỹ thuật Sản xuất - Công ty cổ phần Rượu Bình Tây.
08/2007 - 08/2008:	Phó Ban quản Lý các dự án đầu tư - Kiểm Quản đốc phân xưởng Bia - CTCP Rượu Bình Tây.
09/2009 - 2019:	Chủ tịch HĐQT công ty CPTMDV Sài Gòn - Tây Đô.
09/2008 - 31/12/2021:	Tổng Giám Đốc CTCP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 129.672 cổ phần chiếm tỷ lệ 0,648% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)



Ông Trần Công Toại

Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 01/01/2022 là Tổng Giám đốc Công ty)

Năm sinh: 1973
Nơi sinh: Cần Thơ
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Công nghệ thực phẩm, BREWMASTER VLB Berlin, MBA. Cử nhân Anh Văn
Quá trình công tác:

1998-2000:	Nhân viên KT – KCS Công ty Rượu – Bia – NGK Hậu Giang.
2001-2002:	Phó Phòng KT – KCS Phó Quản Đốc Phân Xưởng Công ty Rượu – Bia – NGK Hậu Giang.
2003-2006:	Tổ trưởng sản xuất Nước Giải Khát Công ty Bia – NGK Cần Thơ.
2006-2009:	Nhân viên; Trưởng phòng KT – SX CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.
2010 – 31/12/2021:	Phó Tổng Giám Đốc CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.
01/2022 - nay	Tổng Giám Đốc CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 21.903 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,110% VDL

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Phan Duy Linh

Kế toán trưởng

Năm sinh: 1971
Nơi sinh: Vĩnh Long
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính – Kế toán
Quá trình công tác:

06/1996 - 03/2001:	Nhân viên Kế toán Công ty Bia Sóc Trăng.
04/2001 - 01/2002:	Nhân viên Kế toán Nhà máy Bia Sóc Trăng.
02/2002 - 12/2002:	Nhân viên Kế toán Nhà máy Bia cần Thơ.
01/2003 - 04/2005:	Nhân viên Kế toán Nhà máy Bia Sài Gòn cần Thơ.
05/2005 - 06/2006:	Nhân viên Kế toán CTCP Bia Sài Gòn cần Thơ.
07/2006 – 10/2006:	Nhân viên Kế toán CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây.
11/2006 - Nay:	Kế toán trưởng CTCP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn- Tây Đô.
01/2022 - nay	Phó Tổng Giám Đốc CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 32.456 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,162% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ (TIẾP THEO)

Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2021:



Ông Phùng Trấn Vũ

Trưởng Phòng Tổng hợp - Người phụ trách quản trị công ty

Năm sinh: 1981
Nơi sinh: An Giang
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Luật, Quản trị
Quá trình công tác:

9/2006 - 12/2008:	Thư ký HĐQT công ty cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
01/2009 - 12/2021:	Trưởng phòng Tổng hợp công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô kiêm thư ký HĐQT
01/2022 - nay:	Phó Tổng Giám đốc công ty CP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 32.456 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 0,162% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

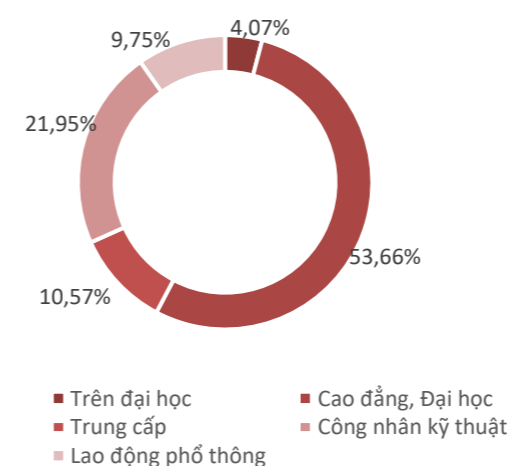
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Số lượng cán bộ, nhân viên

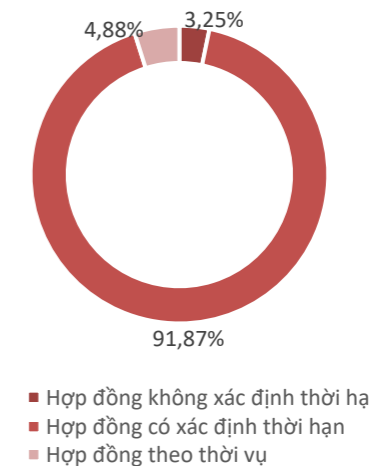
Công ty có 123 người lao động tính đến thời điểm 31/12/2021

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	123	100,00%
1	Trên đại học	5	4,07%
2	Cao đẳng, Đại học	66	53,66%
3	Trung cấp	13	10,57%
4	Công nhân kỹ thuật	27	21,95%
5	Lao động phổ thông	12	9,75%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	123	100,00%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	113	91,87%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	4	3,25%
3	Hợp đồng theo thời vụ	6	4,88%
C	Theo giới tính	123	100,00%
1	Nam	96	78,05%
2	Nữ	27	21,95%

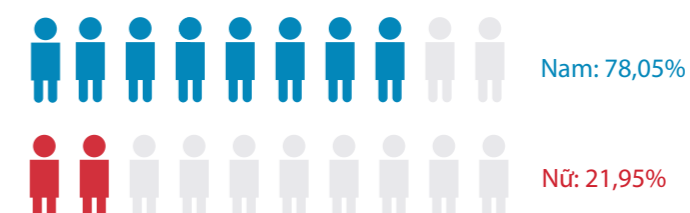
Tỷ lệ theo trình độ



Tỷ lệ theo tính chất hợp đồng lao động



Tỷ lệ theo giới tính





Chính sách nhân sự



Về đào tạo

Đào tạo là nhiệm vụ trọng tâm trong chính sách phát triển nguồn nhân lực của Công ty. Công tác đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nâng cao trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, công nhân viên được Công ty duy trì thường xuyên. Hàng năm, Công ty đều có các lần cử người lao động tiêu biểu tham gia học tập chuyên đề, hội thảo khoa học và công nghệ. Đối với khối sản xuất, công nhân được tham gia khóa đào tạo bổ sung tay nghề, hướng dẫn nghiệp vụ và kiến thức về an toàn điện, an toàn bức xạ, lò hơi, phòng chống cháy nổ, an toàn lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm,... Chính sách đào tạo được thực hiện nhất quán từ cấp độ cơ bản đến chuyên sâu thông qua các chương trình đào tạo nội bộ và qua các đơn vị tư vấn đào tạo chuyên nghiệp.



Về tuyển dụng

Công ty hướng đến mục tiêu thu hút nhân tài, đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất kinh doanh, đảm bảo chất lượng nhân sự. Việc tuyển dụng lao động được thực hiện dựa trên bảng mô tả công việc và tiêu chuẩn dựa trên chức danh công việc.



Môi trường làm việc

Công ty thường xuyên cải tiến quy trình làm việc, hệ thống biểu mẫu quản lý, nghiên cứu các giải pháp nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc, định biên lao động sát với tình hình thực tế. Bên cạnh đó, các công tác bảo hiểm lao động, an toàn lao động phòng chống cháy nổ như trang bị đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động, mạng lưới an toàn vệ sinh luôn được thực hiện đúng theo quy định. Công ty cũng thường xuyên duy trì hệ thống cảnh quan, công viên, tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

- ✓ Về tiền lương: Toàn thể người lao động hưởng đơn giá tiền lương theo doanh thu. Khi phân phối lương hàng tháng, hệ số lương này kết hợp với hệ số hoàn thành công việc, ngày công để tính lương cho từng công nhân viên trong toàn bộ Công ty. Hệ thống lương thưởng được thiết kế khoa học, linh động định hướng theo hiệu quả làm việc đảm bảo công bằng nội bộ và có tính cạnh tranh cao. Công ty đã xây dựng quy chế thang bảng lương riêng và nâng bậc lương cho người lao động kể từ năm 2014, thực hiện vào tháng 10 hàng năm. Hàng năm, Công ty tiến hành xét và thi nâng bậc lương cho người lao động theo quy định.

Về tiền thưởng: Công ty luôn trân trọng và đánh giá cao nỗ lực, sáng tạo, sự tận tâm và thành quả từng nhân viên mang lại và cam kết ghi nhận bằng các cơ hội thăng tiến trong nghề nghiệp, được tôn vinh và khẳng định bản thân. Tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Ban Tổng Giám đốc đề xuất hội đồng quản trị phê duyệt các quyết định khen thưởng.

Về chính sách phúc lợi, đãi ngộ: Công ty thực hiện đầy đủ chế độ chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn cho người lao động; tổ chức khám sức khỏe định kỳ và bệnh nghề nghiệp, bồi dưỡng, hỗ trợ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; tổ chức cho nhân viên đi nghỉ mát hàng năm; giải quyết đầy đủ chế độ nghỉ phép, thai sản, ốm đau, nằm viện,...



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	%Tăng/ Giảm
Tổng giá trị tài sản	454.584	389.754	-14,26%
Doanh thu thuần	343.498	291.021	-15,28%
Giá vốn hàng bán	310.405	260.998	-15,92%
Lợi nhuận gộp	33.094	30.023	-9,28%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	23.226	17.455	-24,85%
Lợi nhuận khác	708	150	-78,84%
Lợi nhuận trước thuế	23.934	17.605	-26,45%
Lợi nhuận sau thuế	18.994	13.913	-26,75%
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	903	637	-29,46%



Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán ngắn hạn	lần	1,58	2,30
Khả năng thanh toán nhanh	lần	1,33	1,92
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	%	33,66	24,62
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	%	50,75	32,66
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay khoản phải thu	vòng	22,82	34,35
Vòng quay hàng tồn kho	vòng	6,45	6,89
Vòng quay tổng tài sản	vòng	0,76	0,69
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần (ROS)	%	5,53	4,78
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE)	%	6,08	4,67
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân (ROA)	%	4,19	3,30
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	6,76	6,00



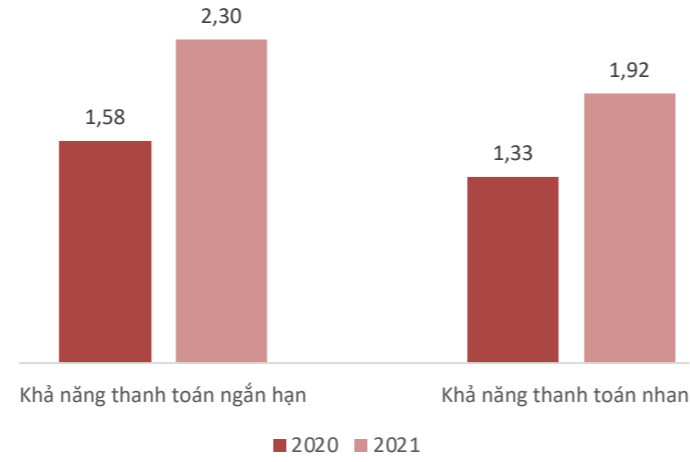


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

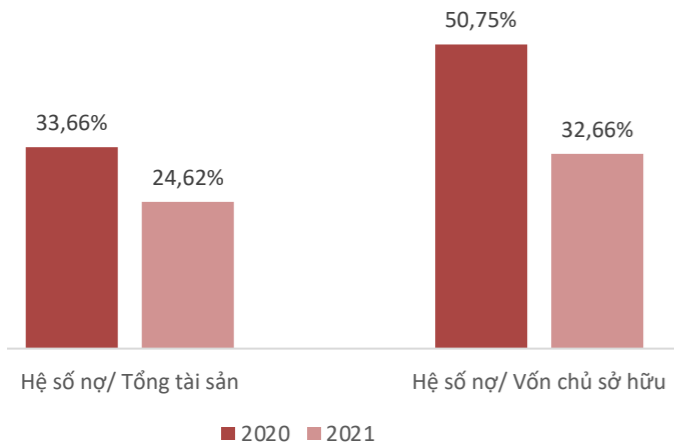
(TIẾP THEO)

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

Nhìn chung, chỉ tiêu về khả năng thanh toán của Công ty năm 2021 tốt hơn so với năm trước. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh lần lượt đạt 2,3 lần và 1,92 lần (so với năm 2020 đạt tương ứng 1,58 lần và 1,33 lần). Sự cải thiện này nhờ vào việc Công ty đã tận dụng nguồn tiền nhàn rỗi để hưởng mức lãi suất tại ngân hàng và đồng thời để thế chấp cho các khoản vay của Công ty, từ đó làm gia tăng trong các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn trong năm. Thêm vào đó, việc giảm nợ vay ngắn hạn trong kỳ cũng là một trong những yếu tố giúp TDBECO cải thiện khả năng thanh toán.



Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

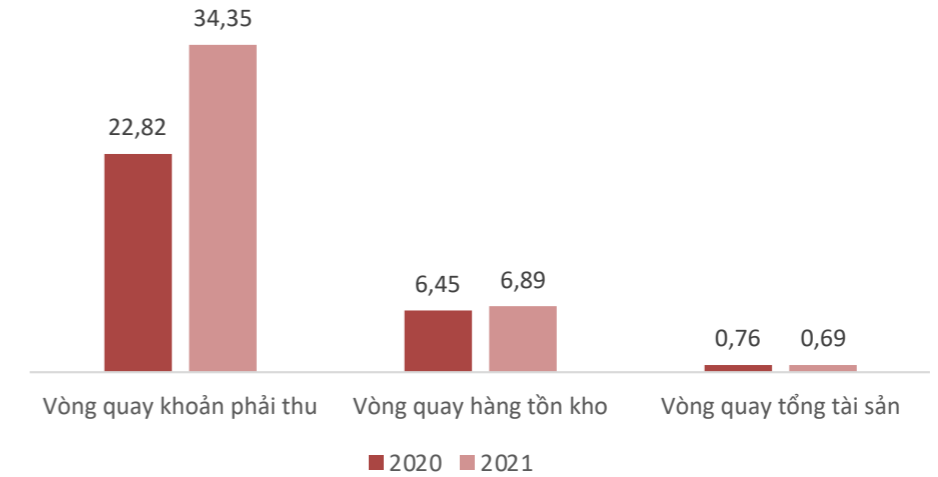


Trong năm 2021, Công ty đã cải thiện các chỉ tiêu về cơ cấu vốn nhờ vào việc chủ động giảm đáng kể nợ ngắn hạn. Cụ thể, trong năm Công ty đã thanh toán 80 tỷ đồng nợ vay tài chính ngắn hạn cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam làm cho tổng nợ vay ngắn hạn giảm 47,83% so với năm trước, đồng thời thực hiện nghĩa vụ nộp Thuế cho Nhà nước là 18,5 tỷ đồng (tương ứng 34,09%). Từ đó dẫn đến hệ số nợ/tổng tài sản giảm từ 33,66% xuống còn 24,62%; hệ số nợ/vốn chủ sở hữu giảm từ 50,75% xuống mức 32,66%.

Việc giảm nợ vay tài chính trong kỳ góp phần cải thiện tình hình tài chính, hạn chế được rủi ro trong bối cảnh nền kinh tế có nhiều biến động khó đoán làm ảnh hưởng trực tiếp tới ngành bia nói chung và Công ty nói riêng. Từ đó cho thấy Ban lãnh đạo TDBECO đã sử dụng đòn bẩy tài chính một cách hợp lý, hướng đến cấu trúc vốn an toàn và lành mạnh cho Công ty nhằm duy trì ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh trong giai đoạn đầy biến động như hiện nay.



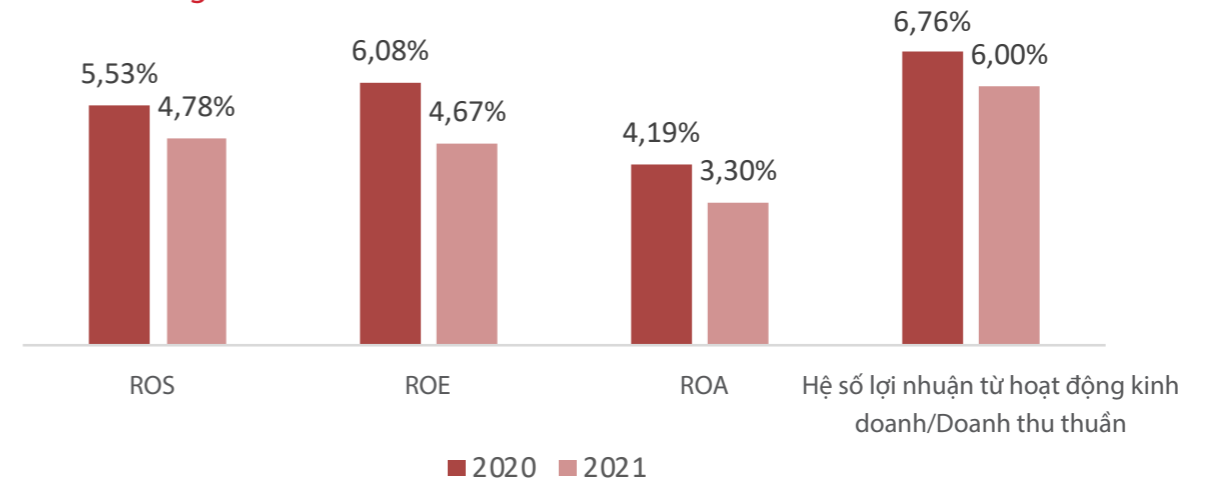
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



So với năm 2020, các chỉ số liên quan đến năng lực hoạt động của Công ty có xu hướng gia tăng. Cụ thể, vòng quay khoản phải thu tăng từ 22,82 vòng lên 34,35 vòng, điều này đến từ việc trong năm Công ty đã thu tiền hàng từ các khách hàng lớn như Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây và các bên liên quan khác, làm giảm các khoản phải thu ngắn hạn gần 10 tỷ đồng; Vòng quay hàng tồn kho cũng tăng nhẹ từ 6,45 lên 6,89 do giá vốn hàng bán tăng và hàng tồn kho trong năm giảm. Nguyên nhân là do Công ty đã chủ động tích trữ ít nguyên vật liệu và thành phẩm hơn so với năm trước do sức tiêu dùng bia giảm mạnh vào quý 3/2021 để tránh tình trạng hàng hoá bị tồn đọng và khó luân chuyển. Điều đó cho thấy Công ty đã có những chính sách hiệu

quả trong công tác quản trị khoản phải thu và hàng tồn kho. Ngoài ra, vòng quay tổng tài sản duy trì mức ổn định, đạt 0,69 vòng, giảm nhẹ so với năm trước do sự biến động giảm trong doanh thu của Công ty. Tuy nhiên, khi dịch Covid được kiểm soát, tình hình thuận lợi hơn thì TDBECO sẽ đảm bảo được sản lượng cung ứng ra thị trường giúp duy trì ổn định hoạt động kinh doanh của Công ty, doanh thu sẽ sớm cải thiện và đảm bảo cho tài sản được sử dụng hiệu quả hơn. Tuy nhiên, các chỉ tiêu năng lực hoạt động nhìn chung vẫn ở mức ổn định cho thấy Công ty vẫn duy trì hoạt động kinh doanh khả quan bất chấp tình hình kinh tế chung đang diễn biến tiêu cực.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Năm 2021, tình hoạt động kinh doanh của Công ty chịu tác động không nhỏ từ đại dịch Covid-19, theo đó, lợi nhuận sau thuế được ghi nhận là 13,9 tỷ đồng, giảm 5,1 tỷ đồng (tương ứng giảm 26,75%). Điều này làm cho các hệ số ROS, ROE, ROA và hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần lần lượt đạt 4,78%; 4,67%; 3,30%; 6,00%, giảm nhẹ so với năm trước. Tuy nhiên, các chỉ số về khả năng sinh lời vẫn đảm bảo ở mức khá tốt. Đây là tín hiệu khả quan cho thấy khi tình hình dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế phục hồi trở lại, khả năng sinh lời sẽ được cải thiện.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành

20.000.000 cổ phần

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành

20.000.000 cổ phần



Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 31/12/2021)

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông trong nước	179	17.683.750	176.837	88,42%
1	Cổ đông nhà nước	-	-	-	-
2	Cổ đông cá nhân	171	9.747.384	97.478	48,74%
3	Cổ đông tổ chức	8	7.935.916	79.359	39,68%
II	Cổ đông nước ngoài	1	2.316.250	23.163	11,58%
1	Cổ động cá nhân	-	-	-	-
2	Cổ đông tổ chức	1	2.316.250	23.163	11,58%
Tổng cộng (I+II)		180	20.000.000	200.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Tác động lên môi trường

TDBECO hoạt động trong lĩnh vực sản xuất bia, vì vậy không tránh khỏi việc các Nhà máy của Công ty thải ra những chất khí gây ô nhiễm môi trường. Khí phát sinh từ quá trình sản xuất bia chủ yếu là khí thải từ nồi hơi, quá trình nấu, hóa chất sử dụng trong công đoạn rửa chai và vệ sinh thiết bị. Một số khí thải chính phát sinh gồm: Khí CO₂, SO₂, NO_x, CO₂, CO, bụi than... Các khí này đều là khí độc gây ảnh hưởng xấu đến môi trường cũng như sức khỏe của người lao động và người dân sống gần các nhà máy bia. Ngoài các khí trên, trong hệ thống sản xuất có thể còn phát sinh khí NH₃, freon... khi hệ thống máy lạnh bị rò rỉ.

Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Hàng năm, Công ty đều có xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật nguyên nhiên vật liệu đầu vào; trang bị công cụ đo đếm, định kỳ tổng hợp, đánh giá kết quả thực hiện, giảm hao phí nhất có thể. Công ty luôn có kế hoạch dự trữ nguồn nguyên liệu để phòng trường hợp giá cả biến động mạnh. Ngoài ra, Công ty cũng tái sử dụng các phế liệu trong quá trình sản xuất như bã malt, men bia,...

+ Bã malt được dùng làm thức ăn gia súc.

+ Men bia có giá trị dinh dưỡng cao, có thể sử dụng làm thuốc chữa bệnh, thuốc bổ và làm thức ăn bổ sung cho gia súc rất hiệu quả.

+ Mầm malt, các phế liệu hạt tạo ra trong quá trình làm sạch, phân loại, ngâm hạt đại mạch và nghiền malt cũng được tận dụng làm thức ăn gia súc.

Như vậy, để hạn chế lượng khí và bụi thải này, Nhà máy Công ty hướng đến việc thay đổi nguyên liệu đầu vào như sử dụng than có hàm lượng lưu huỳnh thấp, lắp đặt hệ thống tách bụi, lọc khí, xây dựng ống khói cao cho lò hơi để giảm ô nhiễm môi trường không khí. Bụi từ khâu xay, nghiền nguyên liệu được khắc phục bằng cách sử dụng phương pháp xay ướt, lọc bằng túi vải.

Tiêu thụ năng lượng

Nằm trong hệ thống các nhà máy hiện đại và đồng bộ của Sabeco trên toàn quốc, Công ty đã đầu tư chuyên sâu cho dây chuyền sản xuất bia hiện đại. Quá trình hoạt động hoàn toàn tự động từ đầu vào cho đến đầu ra giúp tiết kiệm được nhiều năng lượng, nguồn nhân lực và chi phí sản xuất, đảm bảo an toàn lao động và vệ sinh thực phẩm. Ngoài ra, Công ty cũng tiến hành một số giải pháp tiết kiệm năng lượng, cụ thể: sử dụng các máy móc thiết bị sản xuất hiện đại giúp giảm chi phí điện năng, sử dụng năng lượng tái tạo, hệ thống điện mặt trời giúp tận dụng nguồn năng lượng sạch, tạo điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiêu thụ nước

Trong hoạt động kinh doanh của Công ty, nước là một nguồn nguyên liệu quan trọng trong quá trình sản xuất, ước tính chiếm hơn 90% khối lượng bia thành phẩm, vì vậy Công ty luôn thực hiện chủ trương sử dụng tiết kiệm và hiệu quả nguồn nước. Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp nhằm tái sử dụng nguồn nước, giúp giảm tiêu thụ nước mà vẫn đảm bảo yêu cầu chất lượng của quá trình sản xuất, cụ thể:

- Sử dụng nước rửa cuối của quá trình CIP các thiết bị nấu, lên men và thành phẩm để dùng cho vệ sinh CIP các thiết bị lần đầu ở mẻ nấu sau;
- Tái sử dụng nước RO để dùng trong sinh hoạt, vệ sinh nhà xưởng;
- Lắp đặt hệ thống thu hồi nước mưa để sử dụng trong vệ sinh nhà xưởng, từ đó tiết kiệm được lượng nước sử dụng.

Ngoài ra, vì lượng nước thải phát sinh là khá lớn và có mức độ ô nhiễm cao do các chất hữu cơ, các chất độc hại từ quá trình rửa vỏ chai, vỏ thùng,... nên Công ty luôn đảm bảo việc nước thải được xử lý đạt loại A theo tiêu chuẩn môi trường và đưa về nhà máy xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp. Việc áp dụng các biện pháp tiết kiệm, tái sử dụng nước và nâng cao ý thức của công nhân sẽ giúp giảm lượng nước tiêu thụ. Do đó không những làm giảm chi phí mua nước, xử lý nước thải, năng lượng sản xuất mà còn giảm giá thành sản phẩm tăng sự cạnh tranh trên thị trường.





BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY (TIẾP THEO)

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Bên cạnh mục tiêu hàng đầu là phát triển sản xuất kinh doanh, TDBECO cũng ý thức được trách nhiệm cộng đồng và đặc biệt quan tâm đến công tác bảo vệ môi trường, chú trọng xây dựng hệ thống cảnh quan cây xanh xung quanh khu vực nhà máy; lắp đặt hệ thống hút bụi, lọc khí cho nhà xưởng thoáng mát, tạo môi trường làm việc trong lành. Đối với lượng chất thải, Công ty kiểm soát thông qua Hệ thống Quản lý Môi trường theo tiêu chuẩn được Nhà nước quy định. Ngoài ra, Công ty không có vi phạm nào đối với các quy định pháp luật về môi trường trong năm qua.

Chính sách liên quan đến người lao động

Toàn bộ nhân viên và người lao động của TDBECO trong năm qua đều được tạo điều kiện khám sức khỏe định kỳ. Việc bảo vệ sức khỏe và an toàn lành mạnh cho người lao động tác động trực tiếp đến độ gắn kết của nhân viên với công việc từ đó thúc đẩy sự phát triển trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng tiếp tục phát huy những cam kết về điều kiện làm việc an toàn, phát triển đội ngũ đa dạng, tôn trọng sự khác biệt, không phân biệt đối xử, đảm bảo các quyền lợi do pháp

luật quy định. Đối với công tác đào tạo, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, trao đổi học tập để nâng cao chuyên môn, tay nghề cho người lao động. Ngoài ra, Công ty luôn xem xét, ghi nhận và có quyết định thăng tiến phù hợp đối với các cá nhân có thành tích công việc vượt bậc, điều này thể hiện sự trân trọng của Công ty đối với cống hiến và quyết tâm của họ. Với những chính sách đã thực hiện, Công ty thực sự mong muốn đem đến cho người lao động sự hài lòng và gắn bó lâu dài.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Hòa cùng thông điệp chủ đạo của Tổng Công ty “Chung tay vì cộng đồng”, TDBECO luôn quan tâm và đóng góp vào các hoạt động xã hội. Mỗi năm, Công ty đều dành nguồn quỹ đóng góp cho các hoạt động xã hội, cộng đồng, cụ thể như: tích cực tham gia đóng góp vào các quỹ phúc lợi xã hội, quỹ chăm lo Tết cho người nghèo, người già và trẻ em cơ nhỡ, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, bão lụt, quỹ nạn nhân chất độc da cam, xây dựng nhà tình nghĩa và nhiều hoạt động ý nghĩa khác,...



Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty hiện chưa có các hoạt động thị trường vốn xanh.

A group of people are shown from the chest up, holding Saigon beer bottles in a toast. The background is a bright, outdoor setting with green foliage and bokeh light effects. The beer bottles are dark with red labels featuring a golden dragon logo and the text 'BIER SAIGON EXPORT'.

PHẦN 3 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- 1 Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 2 Tình hình tài chính
- 3 Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
- 4 Kế hoạch phát triển trong tương lai



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

Thuận lợi

Việt Nam là quốc gia có cơ cấu dân số vàng, thu nhập tăng nhanh và một trong những nước tiêu thụ bia nhiều nhất trong khu vực Đông Nam Á. Bất chấp tình hình dịch bệnh, lượng bia tiêu thụ tại Việt Nam có xu hướng tăng trong suốt những năm qua. Đồng thời, tốc độ tăng trưởng tầng lớp trung lưu Việt Nam (đối tượng tiêu thụ bia nhiều nhất) cũng thuộc hàng nhanh nhất Châu Á. Một thị trường vừa lớn vừa có đà tăng trưởng, lại có sức mua mạnh như Việt Nam đã và đang là một mảnh đất đầy tiềm năng cho các doanh nghiệp ngành bia trong đó có TDBECO khai thác.

Sự ra đời của phân khúc “bia không cồn” hứa hẹn mở ra một tương lai đầy triển vọng cho ngành bia tại Việt Nam. Tuy phân khúc này còn khá non trẻ nhưng đây được xem là chìa khoá giúp tháo gỡ rào cản từ Nghị định 100/2019/NĐ-CP hiện nay về sức khỏe và an toàn giao thông cho người tiêu dùng bia. Ngoài ra, Công ty cũng có tiềm năng lớn về xuất khẩu bia sang các nước ASEAN hay Trung Quốc. Hiệp định thương mại tự do Liên minh châu Âu – Việt Nam (EVFTA) sau hơn một năm đi vào triển khai cũng đã mang lại nhiều kết quả tích cực và hứa hẹn mở ra nhiều cơ hội cho ngành bia trong thời gian sắp tới.

Bên cạnh đó, Công ty nhận được sự quan tâm hỗ trợ của Ban Lãnh đạo và các Phòng, Ban nghiệp vụ của Tổng Công ty Sabeco; Công ty TNHH MTV Thương mại Bia Sài Gòn, đơn vị vận tải và các Công ty, chi nhánh thương mại khu vực;

Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành luôn bám sát tình hình sản xuất kinh doanh, có những chỉ đạo và giải pháp kịp thời để Công ty giải quyết những khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh.

Khó khăn

Năm 2021 là năm có nhiều biến động đối với nền kinh tế, Việt Nam phải gánh chịu nhiều hậu quả nghiêm trọng do làn sóng Covid-19 lần thứ tư gây ra. Dịch bệnh đã ảnh hưởng đến hầu hết các lĩnh vực kinh tế, xã hội, tâm lý, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập, sức mua, thị trường tiêu thụ của các sản phẩm mà Công ty đang kinh doanh. Trong suốt giai đoạn giãn cách, bia được xếp vào nhóm mặt hàng không thiết yếu nên đã làm ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Công ty, đặc biệt là sự sụt giảm trong kênh bán hàng On-premise (kênh tiêu dùng tại chỗ) do các nhà hàng, quán bia... buộc phải đóng cửa.

Bên cạnh đó, một trở ngại khác trong giai đoạn hiện nay là chính sách tự do thương mại của Chính phủ, đặc biệt là đối với ngành thực phẩm, đồ uống khiến Công ty phải đối mặt với sự cạnh tranh khốc liệt từ các đối thủ cùng cả trong và ngoài nước. Điều này đòi hỏi Công ty phải thích nghi với tình hình hiện tại và không ngừng cải tiến chất lượng sản phẩm, thương hiệu để giữ vững vị trí của mình.

Ngoài ra, Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia và Nghị định 100/2019/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giao thông đường bộ và đường sắt (hiệu lực từ ngày 01/01/2020) có chế tài xử phạt cao hơn so với quy định trước được các đơn vị chức năng triển khai mạnh mẽ và gây trở ngại lớn trong việc phát triển thị trường tiêu thụ của sản phẩm bia. Về mặt lâu dài, văn bản pháp luật này có thể làm thay đổi thói quen của người tiêu dùng, làm hạn chế sử dụng rượu bia trong các buổi tiệc tùng, liên hoan, họp mặt... Từ đó gây khó khăn trong quá trình phát triển của ngành bia nói chung và Công ty nói riêng.



Những tiến bộ Công ty đã đạt được

Trong năm qua, Công ty đã thực hiện công tác điều hành sản xuất linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với các phòng ban và bộ phận giao nhận của Tổng Công ty Sabeco cùng các đơn vị vận tải và các chi nhánh tiêu thụ để kịp thời tháo gỡ những vướng mắc trong quá trình sản xuất và giao nhận sản phẩm; công tác kiểm soát chất lượng được thực hiện theo quy định của Ban Kỹ thuật Tổng Công ty.

Bên cạnh đó, Công ty luôn thực hiện đúng quy chế cạnh tranh về giá đối với những vật tư, nguyên liệu do Công ty tự cung ứng, giá cả hợp lý và thực hiện định mức tồn kho nguyên liệu, vật tư phù hợp, đảm bảo hợp lý việc tồn kho, đồng thời khắc phục tình trạng thiếu hụt nguyên liệu, vật tư cho sản xuất.

Đối với công tác bảo trì thiết bị sản xuất, Công ty luôn đảm bảo máy móc được bảo dưỡng, sửa chữa đúng lịch trình, dự trù phụ tùng phục vụ sản xuất, giảm tối đa thời gian ngừng máy do khắc phục sự cố.

Trong công tác quản lý tài chính, Công ty thực hiện quản lý dòng tiền hợp lý, tận dụng dòng tiền nhàn rỗi để khai thác khoản tiền gửi có kỳ hạn.

Ngoài ra, Công ty luôn thực hiện đúng quy định về quản lý tài sản, mua đầy đủ các loại bảo hiểm theo quy định cho toàn bộ tài sản của công ty.





TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

Đơn vị tính: Triệu đồng

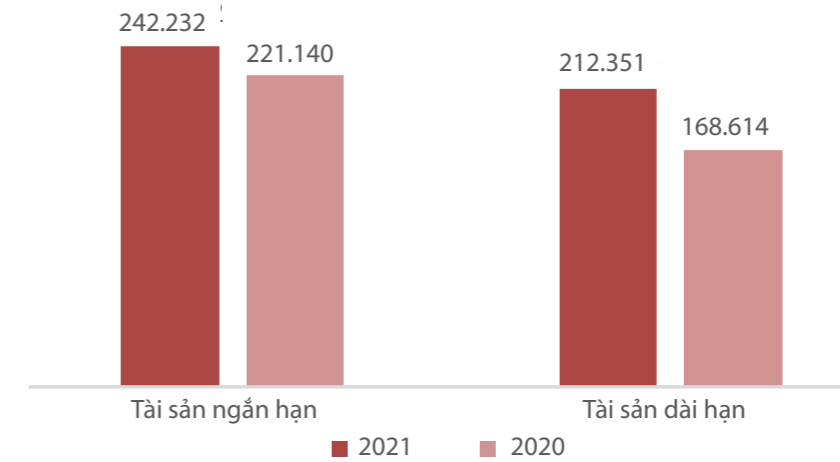
Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	242.232	53,29%	221.140	56,74%	-8,71%
Tiền và các khoản tương đương tiền	84.018	34,68%	56.137	25,39%	-33,18%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	105.500	43,55%	124.500	56,30%	+18,01%
Các khoản phải thu ngắn hạn	13.213	5,45%	3.729	1,69%	-71,78%
Hàng tồn kho	39.216	16,19%	36.555	16,53%	-6,79%
Tài sản ngắn hạn khác	285	0,12%	219	0,10%	-22,9...
Tài sản dài hạn	212.351	46,71%	168.614	43,26%	-20,60%
Tài sản cố định	161.866	76,23%	138.498	82,14%	-14,44%
Tài sản dở dang dài hạn	65	0,03%	1.314	0,78%	+1932,06%
Đầu tư tài chính dài hạn	47.100	22,18%	27.788	16,48%	-41,00%
Tài sản dài hạn khác	3.320	1,56%	1.013	0,60%	-69,48%
Tổng tài sản	454.584	100%	389.754	100%	-14,26%

Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: Triệu đồng

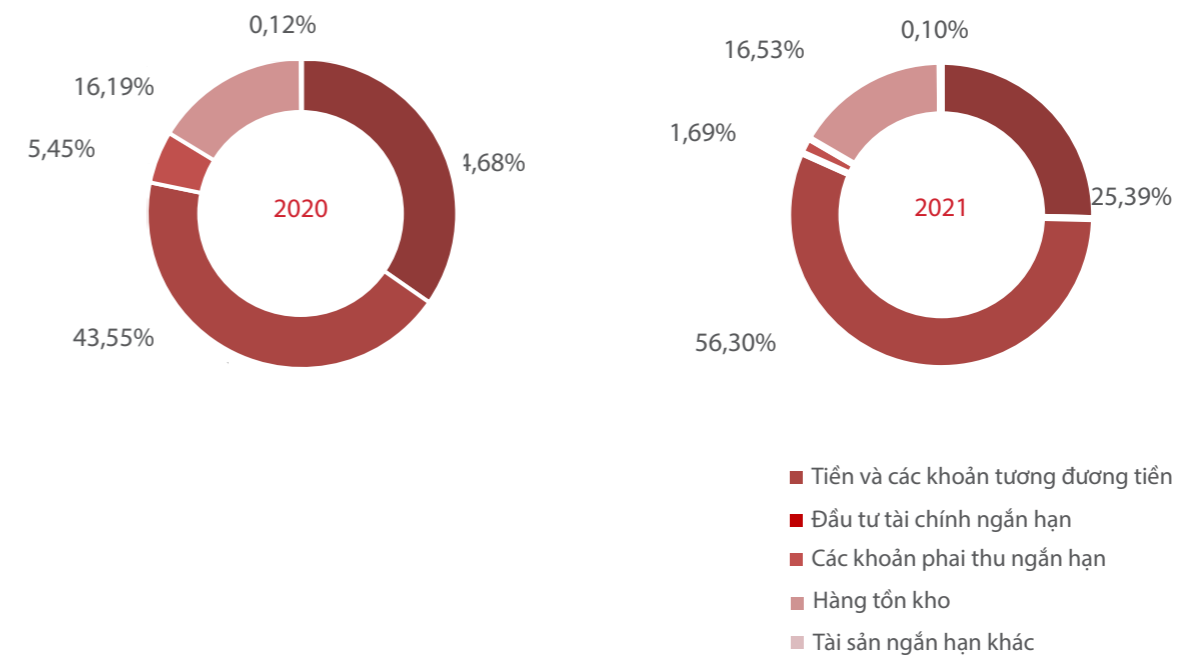
Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	60.959	12.593	20,66%
Máy móc và thiết bị	450.401	123.773	27,48%
Phương tiện vận chuyển	7.879	2.132	27,06%
Thiết bị văn phòng	264	-	-
Cộng	519.503	138.498	26,66%

Tính đến thời điểm cuối năm 2021, cơ cấu tài sản của Công ty không có sự thay đổi nhiều so với năm 2020. Cụ thể, tài sản ngắn hạn vẫn là khoản mục chiếm tỷ trọng cao hơn trong cơ cấu tài sản với 56,74%, tài sản dài hạn chiếm 43,26%. Tuy nhiên, quy mô tài sản của Công ty trong năm 2021 có sự sụt giảm từ 454,6 tỷ đồng xuống còn 389,8 tỷ đồng (tương đương với mức giảm 14,26%). Cơ cấu của từng nhóm tài sản cụ thể như sau:



Cơ cấu tài sản ngắn hạn

Tài sản ngắn hạn chiếm 56,74% tổng giá trị tài sản của Công ty. Trong đó, khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn; tiền và tương đương tiền; hàng tồn kho là các khoản mục chiếm tỷ trọng cao nhất, lần lượt chiếm khoảng 56,30%; 25,39% và 16,53%. Trong đó, đầu tư tài chính ngắn hạn biến động tăng 19 tỷ đồng (tương ứng 18,01% so với năm trước). Nguyên nhân là do trong năm qua Công ty đã tăng cường nắm giữ tài khoản tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng để đảm bảo tính thanh khoản trọng thời điểm dịch bệnh khó khăn với nhiều rủi ro như hiện nay. Bên cạnh đó, Công ty còn có một khoản thế chấp 12,3 tỷ đồng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của Công ty. Ngoài ra, tiền và tương đương tiền, hàng tồn kho lần lượt giảm 27,9 tỷ đồng và 2,6 tỷ đồng (tương ứng giảm 33,18% và 6,79% so với năm 2020). Điều này làm cho tổng tài sản ngắn hạn vào cuối năm ghi nhận đạt 221,1 tỷ đồng tương ứng giảm 8,71% so với cùng kỳ năm trước.

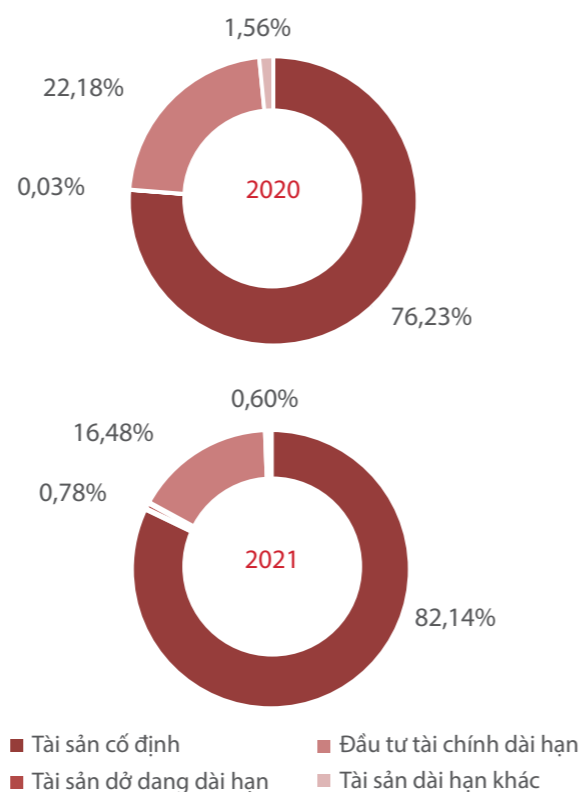




TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Cơ cấu tài sản dài hạn

Tài sản dài hạn của Công ty vẫn chiếm tỷ trọng tương đối thấp hơn với mức 43,26%. Trong năm, tài sản dài hạn giảm từ 212,4 tỷ đồng xuống 168,614 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 20,6% chủ yếu do sự sụt giảm tài sản cố định hữu hình. Mặc dù trong năm Công ty cũng thực hiện đầu tư thêm máy móc thiết bị với giá trị 331,7 triệu đồng nhưng do khoản trích khấu hao tài sản cố định năm 2021 phát sinh cao hơn làm cho tài sản cố định giảm 23,4 tỷ đồng (tương ứng giảm 14,11%) so với năm trước. Ngoài ra, đầu tư tài chính dài hạn cũng có sự sụt giảm 19,3 tỷ đồng (tương ứng giảm 41%). Từ đó có thể thấy Công ty đã thực hiện chủ trương chỉ đầu tư các hạng mục thực sự cần thiết, nhằm tập trung nguồn lực phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm.

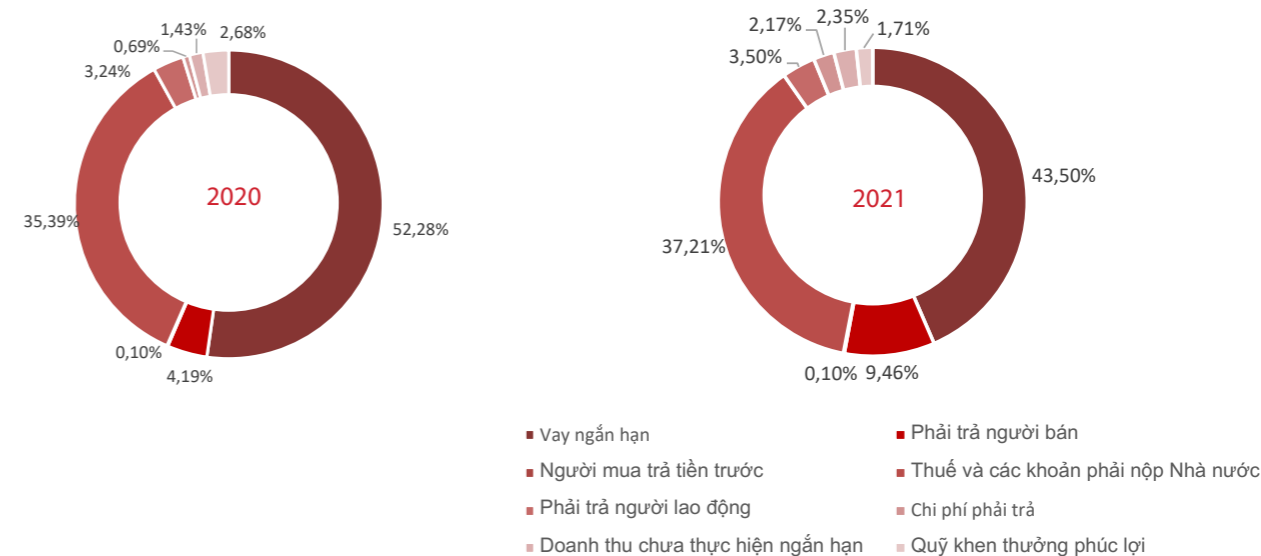


Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2020		31/12/2021		%Tăng/ Giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ ngắn hạn	153.035	100%	95.944	100%	-37,31%
Vay ngắn hạn	80.000	52,28%	41.735	43,50%	-47,83%
Phải trả người bán	6.416	4,19%	9.074	9,46%	+41,43%
Người mua trả tiền trước	148	0,10%	92	0,10%	-38,21%
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	54.164	35,39%	35.701	37,21%	-34,09%
Phải trả người lao động	4.954	3,24%	3.362	3,50%	-32,14%
Chi phí phải trả	1.053	0,69%	2.085	2,17%	+98,00%
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	2.194	1,43%	2.253	2,35%	+2,68%
Quỹ khen thưởng phúc lợi	4.106	2,68%	1.643	1,71%	-59,99%
Nợ dài hạn	-	-	-	-	-
Tổng nợ phải trả	153.035	100%	95.944	100%	-37,31%

Trong năm, tổng nợ phải trả của TDBECO giảm mạnh từ 153 tỷ đồng xuống 95,9 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 37,31%. Trong đó, cơ cấu nợ phải trả của Công ty vẫn không có sự thay đổi so với năm trước, Công ty vẫn chỉ sử dụng nợ ngắn hạn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh nên sẽ chịu ít chịu gánh nặng hơn về chi phí tài chính. Tương tự như năm 2020, nợ ngắn hạn của Công ty chủ yếu đến từ các khoản vay ngắn hạn (chiếm 43,5%); thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (chiếm 37,21%). Trong năm, khoản mục vay ngắn hạn của Công ty giảm gần 38,3 tỷ đồng do Công ty đã chi trả khoản vay đối với Ngân hàng Thương mại CP Ngoại Thương. Theo đó, tính đến cuối năm khoản nợ ngắn hạn của Công ty giảm gần 58 tỷ đồng tương ứng với mức giảm 37,3%. Từ đó cho thấy dù trong tình hình hết sức khó khăn như năm qua, Công ty vẫn đảm bảo khả năng thanh toán cho các khoản vay đến hạn.





NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

- ✓ Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định trong phòng chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo sức khỏe người lao động, có các giải pháp tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm soát, không để dịch bệnh xảy ra trong Công ty.
- ✓ Tổ chức lao động theo hướng tinh giản, bố trí lao động phù hợp với nhu cầu công việc và sắp xếp nghỉ chờ việc theo quy định hiện hành.
- ✓ Rà soát, chỉnh sửa bổ sung các quy định, quy chế của Công ty theo hướng giảm chi phí, phù hợp với tình hình thực tế, duy trì nghiêm nội quy lao động và các quy chế đã ban hành.
- ✓ Thực hiện quy chế phân phối tiền lương, tiền thưởng, các chế độ chính sách cho người lao động và các cam kết trong Thỏa ước Lao động tập thể, đảm bảo cho người lao động cơ bản có việc làm và thu nhập ổn định.
- ✓ Thường xuyên nghiên cứu, tìm ra các giải pháp cải tiến quy trình, công nghệ, cải tiến sản phẩm mới nhằm duy trì và nâng cao chất lượng sản phẩm bia phù hợp thị hiếu và giảm giá thành tăng tính cạnh tranh trên thị trường
- ✓ Xây dựng chính sách và các giải pháp tiêu thụ sản phẩm nước uống đóng chai cho thị trường TP. Cần Thơ và khu vực lân cận, trong đó có kế hoạch sản xuất và giới thiệu sản phẩm nước uống mới ra thị trường.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Chỉ tiêu	ĐVT	TH 2021	KH 2022	KH 2022/TH2021 (%)
Sản lượng tiêu thụ	Lít	30.008.130	40.000.000	133,30
Sản lượng tiêu thụ NUĐC	Lít	2.484.173	4.000.300	161,03
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	291,02	416,08	142,97
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	13,91	5,41	38,89

Kế hoạch đầu tư

STT	Hạng mục đầu tư	Mục tiêu đầu tư	Dự kiến chi phí	Thời gian hoàn thành
I. DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2021 CHUYỂN QUA				
1	Máy phân tích bia Anton paar không xử lý mẫu – Hãng Anton Paar (Áo)	Máy đã hoạt động 14 năm không còn phụ tùng thay thế	1.600	10/2022
2	Máy quang phổ LIBRA S80	Máy đã sử dụng 5 năm, kiểm tra nhiều chỉ tiêu chính trong bia	200	10/2022
3	Thay mái nhà xưởng chiết chai	Phục vụ SXKD	1.500	
4	Nâng cấp tủ KUKA	Đã hoạt động 14 năm, không còn phụ tùng thay thế	900	8/2022
5	Mua thiết bị SX nước ion kiềm	Phục vụ SXKD	500	6/2022
II. DANH MỤC ĐẦU TƯ NĂM 2022				
1	CPU máy thanh trùng lon	CPU hiện tại sắp hỏng	1.000	
2	Đầu tư, sửa chữa lớn thiết bị phục vụ SXKD	Phục vụ SXKD	1600	
3	Thay mái nhà xưởng chiết chai (bổ sung thêm)	Phục vụ SXKD	1.000	
I. Danh mục đầu tư năm 2021 chuyển qua			4.700 (triệu đồng)	
II. Danh mục đầu tư năm 2022			3.600 (triệu đồng)	
Cộng			8.300 (triệu đồng)	

PHẦN 4

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1** Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
- 2** Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty
- 3** Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2021, ảnh hưởng kéo dài của dịch bệnh Covid 19 và chính sách pháp luật của Nhà nước liên quan đến việc phòng, chống tác hại của rượu, bia đã gây nên những tác động đáng kể đến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Do đó, Công ty không thể tránh khỏi việc sụt giảm trong doanh thu và các chỉ tiêu vẫn chưa thể đạt được theo kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông 2021 để ra. Trước tình hình này, trong năm vừa qua HĐQT đã triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tổ chức giám sát hoạt động quản lý của Ban điều hành và đề ra những chính sách, chiến lược nhằm phát huy những thế mạnh của Công ty để phục hồi, phát triển và vượt qua giai đoạn khó khăn hiện nay, cụ thể:

Về mặt tổ chức

Ban hành và hoàn thiện các quy chế, quy định của Công ty trong năm; thành lập các Hội đồng chuyên môn, ủy ban và các phòng ban cụ thể, đồng thời xác định rõ chức năng, trách nhiệm và quyền hạn riêng biệt của các đơn vị khác nhau nhằm tạo điều kiện cho bộ máy Công ty hoạt động linh hoạt và hiệu quả hơn.

Về mặt sản xuất

Giám sát và đảm bảo sản lượng sản xuất đáp ứng tối đa kế hoạch của Tổng công ty; rà soát điều chỉnh thường xuyên định mức tiêu hao nguyên liệu đầu cho phù hợp và theo hướng tiết kiệm chi phí; đồng thời, đảm bảo hàng hóa, sản phẩm đầu ra phải đạt tiêu chuẩn và chất lượng.

Về công tác đầu tư, tài chính

Khuyến khích chủ trương tiết kiệm chi phí trong thời kỳ khó khăn, chú trọng đầu tư vào các dự án chuyển tiếp và thiết bị phục vụ sản xuất, kinh doanh.

Vận động việc sử dụng thận trọng dòng tiền, thu hồi nợ nhanh chóng và kịp thời; thường xuyên đàm phán với ngân hàng về việc cấp hạn mức tín dụng và mức lãi suất để đảm bảo nguồn vốn kịp thời khi có nhu cầu vay vốn.



Về nhân sự, phúc lợi

Chú trọng công tác đào tạo nguồn nhân lực để đảm bảo hoạt động quản lý, điều hành, nghiên cứu và sản xuất có hiệu quả; chủ trương thiết lập đơn giá tiền lương dựa trên doanh thu, trả lương dựa trên năng suất, đảm bảo tạo nguồn thu nhập ổn định cũng như tạo điều kiện làm việc tốt và phúc lợi đầy đủ cho người lao động.



Về công tác liên quan đến cộng đồng, xã hội

Ngoài việc thực hiện nhiệm vụ sản xuất và kinh doanh, Công ty cũng không ngừng nỗ lực tham gia trong các hoạt động chung tay cùng cộng đồng, xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện để phát triển Công ty dựa trên nền tảng đạo đức và kinh tế; đảm bảo tạo cảnh quan môi trường xanh, sạch, đẹp, góp phần tạo nên sự phát triển bền vững, lâu dài cho Công ty.



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Việc đánh giá, giám sát hoạt động của Ban Điều hành Công ty đã được HĐQT thực hiện đầy đủ theo quy định của Điều lệ Công ty. Năm qua, Ban Điều hành Công ty đã có nhiều nỗ lực cố gắng hoàn thành các Nghị quyết của HĐQT, tổ chức thực hiện việc sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Tổng Giám đốc đã cố gắng hoàn thành tốt chức năng, nhiệm vụ và các kế hoạch, chủ trương mà HĐQT và Đại hội đồng cổ đông giao phó. Theo đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được duy trì ổn định.





CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Năm 2022, dự đoán là ngành bia nói chung và Công ty nói riêng sẽ có thể phục hồi trở lại do dịch bệnh đã được Chính phủ kiểm soát tốt. Tuy nhiên, vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn về thị trường tiêu thụ đối với các sản phẩm của Công ty do hậu quả nghiêm trọng của dịch Covid 19 để lại cho nền kinh tế. Với tình hình khó đoán này, Công ty đã thực hiện đánh giá những ảnh hưởng tiềm năng của dịch Covid-19 đến hoạt động của Công ty, từ đó xây dựng các phương án ứng phó kịp thời để giảm thiểu tối đa các thiệt hại cũng như duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh, đảm bảo tốt cho đời sống cán bộ công nhân viên trong Công ty. Nhằm đối phó với những rủi ro, khó khăn trong giai đoạn hiện nay cùng với việc phát huy những kết quả đã đạt được và chung tay xây dựng, phát triển doanh nghiệp trên cơ sở duy trì những thế mạnh hiện có và thích nghi với môi trường kinh doanh trong thời gian tới, HĐQT xây dựng kế hoạch năm 2022 với các chỉ tiêu như sau:

- ✓ Tiếp tục chỉ đạo, giám sát hoạt động quản lý của Ban điều hành nhằm nâng cao hiệu quả kinh doanh và hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đặt ra trong năm 2022.
- ✓ Hoàn thiện cơ cấu tổ chức, phát huy hiệu quả hoạt động của các phòng, xưởng sản xuất nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh tổng thể của toàn Công ty; tiếp tục rà soát toàn diện và hoàn thiện hệ thống quy chế, các quy trình và quy định nội bộ, phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động thực tế của Công ty.
- ✓ Tiếp tục xây dựng hoàn thiện hệ thống công nghệ thông tin và hệ thống quản lý chất lượng.
- ✓ Chỉ đạo tổ chức, lập kế hoạch và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng máy móc thiết bị phù hợp, đảm bảo dây chuyền thiết bị hoạt động liên tục.

- ✓ Giám sát việc tổ chức triển khai kế hoạch đầu tư đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt trên tinh thần phù hợp, tiết kiệm và hiệu quả.
- ✓ Kiểm soát chặt chẽ định mức kinh tế kỹ thuật, chi phí đầu vào, chỉ đạo tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh; đảm bảo sản phẩm đầu ra đúng chất lượng, yêu cầu của Tổng công ty.
- ✓ Chủ trương đầu tư các hạng mục phục vụ cho nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đảm bảo tính đồng bộ, hiệu quả, tiết kiệm.
- ✓ Đảm bảo chế độ tiền lương và phúc lợi tốt, xây dựng, phát triển nguồn nhân lực nhằm tạo môi trường làm việc hiệu quả, chuyên nghiệp.
- ✓ Chỉ đạo tiếp tục duy trì và chủ động phối hợp với các Phòng Ban của Tổng Công ty, Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn và các đơn vị thành viên, các Sở ban ngành TP. Cần Thơ để tạo điều kiện tốt trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- ✓ Tăng cường hoạt động truyền thông, xây dựng chiến lược marketing hiệu quả, phát huy thế mạnh văn hóa gia đình Bia Sài Gòn, nâng tầm vị thế, hình ảnh và thương hiệu của các sản phẩm bia, nước tinh khiết trong ngành và cộng đồng.

PHẦN 5

QUẢN TRỊ CÔNG TY

- 1 Hội đồng quản trị
- 2 Ban Kiểm soát
- 3 Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành phần và cơ cấu Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Lê Hồng Xanh	Chủ tịch HĐQT
2	Nguyễn Bích Đạt	Thành viên HĐQT
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT
4	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT
5	Trần Lê Hoa	Thành viên HĐQT



Lý lịch Hội đồng quản trị



Ông Lê Hồng Xanh

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1957

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật

Quá trình công tác:

1979 – 1981: Giáo viên trường Thương mại TW3 – TP.HCM

1981 – 1984: Giáo viên trường Đại học Thương mại Hà Nội.

1984 – 2006: Giám đốc Marketing CTCP Sữa Việt Nam - Vinamilk.

2006 – 04/2013: Giám đốc điều hành Marketing Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.

04/2013 – 08/2016: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bia – Rượu – NGK Sài Gòn – Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thương Mại Bia Sài Gòn.

08/2016 – 06/2017: Phụ trách Ban điều hành Tổng Công ty CP Bia – Rượu – NGK Sài Gòn.

2012 - nay: Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Vĩnh Long.

2014 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Kiên Giang.

2006 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Bia-NGK Sài Gòn – Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Vĩnh Long;

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn – Kiên Giang.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Nguyễn Bích Đạt

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1950

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Phó giáo sư, Tiến sĩ khoa học

Quá trình công tác:

1971 - 1977:	Giảng viên Đại học thương mại.
1977 - 1978:	Học tiếng Đức tại Đại học Ngoại ngữ Hà Nội.
1978 - 1982:	Nghiên cứu sinh tại Đại học thương mại Leipzig, Đức.
1982 - 1988:	Chủ nhiệm bộ môn Thống kê, Đại học thương mại.
1988 - 1989:	Trưởng phòng Khoa học, Đại học thương mại.
1989 - 1993:	Phó hiệu trưởng Đại học thương mại.
1993 - 1997:	Phó vụ trưởng vụ pháp luật và xúc tiến đầu tư, Ủy ban Nhà nước về hợp tác đầu tư, sau hợp nhất với Ủy ban kế hoạch Nhà nước thành Bộ kế hoạch và đầu tư.
1997 - 2003:	Vụ trưởng vụ đầu tư nước ngoài, Bộ kế hoạch đầu tư; kiêm nhiệm Chủ nhiệm bộ môn Đầu tư Đại học Ngoại thương, Hà Nội từ 1998 – 2001.
2003 - 2010:	Thứ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư. Đã lần lượt phụ trách các lĩnh vực: pháp chế, quản lý ODA, FDI; Quản lý KCN, Khu kinh tế; Quản lý các lĩnh vực khoa học, giáo dục, tài nguyên, môi trường, lao động, văn hóa, xã hội.
2010 - 2011:	Chuyên gia giúp việc Bộ trưởng Bộ kế hoạch và đầu tư; nhận quyết định nghỉ hưu tháng 10/2011.
2012 đến nay:	Thành viên HĐQT CTCP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Nguyễn Thị Minh Tâm – Vợ, sở hữu 138.655 cổ phiếu chiếm 0,693% vốn điều lệ



Ông Văn Thanh Liêm

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1950

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Kinh tế

Quá trình công tác:

11/2005 - nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây.
01/2007 - nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Sabeco Sóng Lam.
6/2007- nay :	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bia Sài Gòn Phú Lý.
5/2015 - nay:	Chủ tịch HĐQT CTCP vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn.
4/2017 - nay:	Thành viên HĐQT CTCP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Chủ tịch HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Bình Tây;
- Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Sài Gòn ;
- Chủ tịch HĐQT CTCP vận tải và giao nhận Bia Sài Gòn.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

- Người có liên quan: mối quan hệ vợ, họ và tên: Nguyễn Thị Hạnh, số cổ phần sở hữu 693.038 chiếm 3,47 % vốn điều lệ, CMND số 023130606; ngày 14/12/1995 nơi cấp Công an TP. Hồ Chí Minh.

- Người có liên quan: mối quan hệ con, họ và tên: Văn Thảo Nguyên, số cổ phần sở hữu 280.961 chiếm 1,40 % vốn điều lệ, CMND số 023301487 ngày 06/02/2006 nơi cấp Công an TP. Hồ Chí Minh.

- Người có liên quan: mối quan hệ con, họ và tên: Văn Bảo Ngọc, số cổ phần sở hữu 108.943 chiếm 0,54 % vốn điều lệ, CMND số 023651938 ngày 14/07/2011 nơi cấp Công an TP. Hồ Chí Minh.



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)



Bà Nguyễn Thị Kim Cúc

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:

1997 – 2000:	Chuyên viên kiểm soát công ty TNHH Tân Đại Hải.
2000 – 2008:	Chuyên viên mua hàng - Phòng mua hàng Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.
2008 – 2010:	Phụ trách bộ phận quản lý mua hàng trong nước Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.
2010 – 2017:	Phó Trưởng Ban mua hàng Tổng công ty CP - Bia - Rượu NGK Sài Gòn (SABECO)
2016 – 2019:	SABECO cử làm đại diện vốn của Tổng công ty CP Bia - Rượu – NGK Sài Gòn tại Công ty LDTNHH Crown Sài Gòn.
2017 – 2019:	Trưởng Ban mua hàng Tổng công ty CP Bia - Rượu - NGK Sài Gòn.
2017 – Nay:	SABECO cử làm đại diện vốn của Tổng Công ty CP Bia - Rượu – NGK Sài Gòn tại Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ. Giám đốc mua hàng Tổng công ty cổ phần Bia - Rượu — NGK Sài Gòn; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Miền Tây; Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Bia Sài Gòn Miền Trung;
2019 – Nay:	Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng; Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ; Thành viên HĐQT Công ty CP Bia - Nước giải khát Sài Gòn - Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:

- Giám đốc mua hàng Tổng công ty CP Bia - Rượu — NGK Sài Gòn;
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây;
- Thành viên HĐQT CTCP Bia Sài Gòn Miền Trung;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH Bao bì Sanmiguel Yamamura Phú Thọ;
- Thành viên HĐQT Công ty TNHH MTV Bia Sài Gòn Sóc Trăng.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.891.807 cổ phần

- Đại diện sở hữu : Công ty CP Bia Sài Gòn Miền Tây, 1.891.807 cổ phần. chiếm 9,46% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Bà Trần Lê Hoa

Thành viên Hội đồng quản trị

Năm sinh: 1975
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hoá thực phẩm, Cử nhân kinh tế, Thạc sĩ QTKD (MBA)
Quá trình công tác:

1988 đến nay:	Tổng công ty CP Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn.
05/2018 đến nay:	Thành viên HĐQT CTCP Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 2.881.500 cổ phần

- Đại diện sở hữu : Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - NGK Sài Gòn 2.881.500 cổ phần, chiếm 14,408% vốn điều lệ
- Cá nhân sở hữu: 0 cổ phần

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có



Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

Trong năm, HĐQT đã ban hành 15 Nghị quyết nhằm cụ thể hóa các chủ trương, chỉ đạo điều hành của HĐQT đến Ban Điều hành, đảm bảo đúng quy định của pháp luật, phù hợp với điều kiện, nhu cầu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Ngoài việc chỉ đạo thông qua các biên bản, nghị quyết của HĐQT, các thành viên HĐQT thường xuyên liên hệ với Ban Điều hành để nắm bắt thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời, đáp ứng các yêu cầu của Tổng công ty và tình hình chung của Công ty. Ngoài ra, HĐQT cũng tích cực giám sát việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Điều hành, đảm bảo thực hiện đúng Điều lệ công ty và quy định của pháp luật.

Hàng tháng, Ban Điều hành gửi báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho các thành viên HĐQT và gửi các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của các thành viên HĐQT. Chủ tịch HĐQT thường xuyên có mặt tại Công ty để trực tiếp, điều hành chỉ đạo Ban Điều hành, các trưởng đơn vị các vấn đề có tính chất quan trọng đến định hướng, kế hoạch phát triển của Công ty.

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Lê Hồng Xanh	Chủ tịch HĐQT	07	100%
2	Nguyễn Bích Đạt	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
3	Văn Thanh Liêm	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
4	Nguyễn Thị Kim Cúc	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%
5	Trần Lê Hoa	Thành viên HĐQT không điều hành	07	100%

Nội dung và kết quả các cuộc họp

Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp, trong đó có 07 phiên họp trực tiếp và 01 phiên họp được tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản. Nội dung cụ thể các phiên họp và Nghị quyết được ban hành tương ứng như sau:

STT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ/HĐQT/2021	26/01/2021	Thông qua việc chi tạm ứng cổ tức đợt 01 năm 2020 (Mức chi: 10%).
2	02/NQ/HĐQT/2021	26/01/2021	Thông qua việc tiếp tục ký Hợp đồng lao động với Ông Trần Xuân Tộ đối với chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô; Thời hạn ký kết Hợp đồng 12 tháng (kể từ ngày 01/5/2021 - 30/4/2022).
3	03/NQ/HĐQT/2021	26/01/2021	Thông qua kế hoạch tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
4	04/NQ/HĐQT/2021	08/03/2021	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn 150 tỷ đồng.

5	05/NQ/HĐQT/2021	10/03/2021	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn 120 tỷ đồng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Cần Thơ.
6	06/NQ/HĐQT/2021	18/03/2021	Thông qua việc vay vốn ngắn hạn 120 tỷ đồng tại Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam.
7	07/NQ/HĐQT/2021	29/03/2021	Thông qua tài liệu ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
8	08/NQ/HĐQT/2021	29/03/2021	Thông qua việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty.
9	09/NQ/HĐQT/2021	06/04/2021	Thông qua việc thay đổi thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2021.
10	10/NQ/HĐQT/2021	19/08/2021	Thông qua các nội dung lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. - Thông qua việc chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2021; - Việc thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu công ty giao dịch trên sàn Upcom: chờ ý kiến của Tổng công ty CP Bia Rượu NGK Sài Gòn (Sabeco); - Chi bổ sung tiền lương cho người lao động trong thời gian ảnh hưởng của đại dịch Covid - 19;
11	11/NQ/HĐQT/2021		- Các nội dung mà Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 chưa thông qua: sẽ được trình trong phiên Đại hội đồng cổ đông thường niên 2022; - Đồng ý chấp thuận đơn xin nghỉ việc theo nguyện vọng vì lý do sức khỏe của anh Trần Xuân Tộ - Tổng Giám đốc công ty nghỉ việc kể từ ngày 01/01/2022. Miễn nhiệm chức vụ: Tổng Giám đốc kể từ ngày 01/01/2022.
12	12/NQ/HĐQT/2021		Thông qua việc miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô đối với Ông Trần Xuân Tộ kể từ ngày 01/01/2022.
13	13/NQ/HĐQT/2021		Thông qua việc bổ nhiệm Ông Trần Công Toại, giữ chức vụ Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2022.
14	14/NQ/HĐQT/2021		Thông qua việc bổ nhiệm Ông Phùng Trần Vũ giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2022.
15	15/NQ/HĐQT/2021		Thông qua việc bổ nhiệm Ông Phan Duy Linh giữ chức vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/01/2022.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: Không có



BAN KIỂM SOÁT

Thành phần và cơ cấu Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Mai Thị Bạch Yến	Trưởng Ban kiểm soát
2	Trần Thị Loan Anh	Thành viên Ban kiểm soát
3	Nguyễn Đông Diễm Trâm	Thành viên Ban kiểm soát (bắt đầu 19/4/2021)
4	Đặng Quang Minh	Thành viên Ban kiểm soát (kết thúc 19/4/2021)

Lý lịch Ban kiểm soát



Bà Mai Thị Bạch Yến
Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh: 1982
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán tổng hợp
Quá trình công tác:

01/2007 - 2008:	Nhân viên phòng kế toán CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.
2009 – 2011:	Nhân viên phòng kế toán CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô; Thành viên BKS CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.
2012 – 04/2016:	Nhân viên Phòng kế toán CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.
5/2016 – Nay:	Trưởng BKS CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.

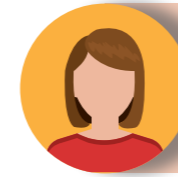
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 25.789 cổ phần 0,129% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

Người có liên quan: mối quan hệ chồng, họ và tên: Phạm Đăng Vinh, số cổ phần sở hữu 2.023 chiếm 0.01 % vốn điều lệ, CMND số 023466010 ngày 26/03/2011 nơi cấp Công an TP. Hồ Chí Minh.



Bà Trần Thị Loan Anh
Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1981
Quốc tịch: Việt Nam
Trình độ văn hóa: 12/12
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành kế toán
Quá trình công tác:

04/2003-2008:	Kế toán Tổng hợp Công ty may Tây Đô.
2009-05/2010:	Kế toán Tổng hợp Công ty TNHH Thủy Sản Panga Mekong
06/2010-06/2011:	Kế toán Tổng hợp CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây.
06/2011-10/2013:	Kế toán Tổng hợp CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây, Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng.
10/2013-04/2014:	Phó phòng kế toán CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây, Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng.
04/2014-07/2017:	Phó phòng, Phụ trách kế toán CTCP Bia Sài Gòn Miền Tây, Phụ trách kế toán Công ty TNHH Bia Sài Gòn Sóc Trăng đến 06/2015.
07/2017-Nay:	Trưởng BKS chuyên trách CTCP Bia Sài Gòn – Miền Tây.
05/2016-Nay:	Thành viên BKS CTCP Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô.

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



BAN KIỂM SOÁT (TIẾP THEO)



Bà Nguyễn Đồng Diễm Trâm

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1990

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

10/2012 - 04/2015: Abbott Việt Nam

05/2015 - 02/2017: Tổng công ty THACO - Trường Hải

02/2017 - 10/2020: DKSH Việt Nam

Từ 10/2020 - nay: Tổng công ty SABECO

Từ 4/2021 - nay: Thành viên BKS công ty cổ phần Bia – Nước Giải Khát Sài Gòn – Tây Đô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Ông Đặng Quang Minh

Thành viên Ban kiểm soát

Năm sinh: 1984

Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế

Quá trình công tác:

5/2005 – 01/2010: Trưởng nhóm kiểm toán Công ty kiểm toán và tin học Sài Gòn.

01/2010 – 06/2011: Chuyên viên thẩm định Ngân hàng ANZ.

06/2011 – 05/2012: Kiểm toán viên cao cấp Công ty kiểm toán EY.

05/2012 – 10/2012: Chuyên viên thẩm định và quan hệ khách hàng Công ty tài chính Prudential.

10/2012 - nay: Thư ký Công ty TNHH MTV TM Bia Sài Gòn.

2016 - 19/4/2021: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô

2016 - 19/4/2021: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Bia Nước giải khát Sài Gòn Tây Đô

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 1.798 cổ phần chiếm 0,009% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không có



Hoạt động của Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Mai Thị Bạch Yến	Trưởng Ban kiểm soát	01	100%
2	Trần Thị Loan Anh	Thành viên Ban kiểm soát	01	100%
3	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên Ban kiểm soát	01	100%

Đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát

- ✓ Trưởng Ban kiểm soát lên kế hoạch công tác, phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, tổ chức họp định kỳ hàng quý.
- ✓ Kiểm tra, giám sát việc triển khai và thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đối với Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành;
- ✓ Thẩm tra các báo cáo tài chính hàng tháng, quý, báo cáo 06 tháng, báo cáo năm nhằm đánh giá tính trung thực và hợp lý của các số liệu tài chính cũng như giám sát việc tuân thủ các qui định Pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ Công ty.
- ✓ Tham gia đầy đủ các phiên họp do HĐQT Công ty chủ trì để nắm bắt tình hình kinh doanh, những thông tin về quản trị điều hành của Công ty và tham gia ý kiến, đưa ra kiến nghị HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty trong phạm vi trách nhiệm và quyền hạn.
- ✓ Tham gia vào tổ soạn thảo, soát xét các quy chế của Công ty, góp phần xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu quả và phù hợp pháp luật hiện hành.
- ✓ Kiểm tra, giám sát các hoạt động của Công ty; phân tích đánh giá thận trọng đưa ra các ý kiến đóng góp với Ban Tổng Giám đốc hoặc cá nhân có trách nhiệm.

Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động của Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cổ đông

Ban kiểm soát đã được Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi trong việc cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty.

Tham dự tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị, tham gia ý kiến theo chức năng và nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.

Ban kiểm soát định kỳ họp kiểm soát đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

Kế hoạch hoạt động của Ban Kiểm soát trong thời gian tới

Tiếp tục giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành trong quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh theo Nghị quyết của ĐHCĐ và các quy định liên quan khác của Luật doanh nghiệp và pháp luật Nhà nước.

Thực hiện các chuyên đề đánh giá giám sát chuyên sâu trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như hoạt động đầu tư.

Tham gia cùng với Ban điều hành Công ty nhằm nâng cao hiệu quả công tác kiểm soát nội bộ và quy trình quản lý trong Công ty.





CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Thù lao
Hội đồng quản trị			
1	Lê Hồng Xanh	Chủ tịch HĐQT	96.000.000
2	Văn Thanh Liêm	TVHĐQT	72.000.000
3	Nguyễn Thị Kim Cúc	TVHĐQT	78.000.000
4	Nguyễn Bích Đạt	TVHĐQT	72.000.000
5	Trần Lê Hoa	TVHĐQT	-
Ban kiểm soát			
1	Mai Thị Bạch Yến	Trưởng BKS	385.060.291
2	Trần Thị Loan Anh	Thành viên BKS	52.000.000
3	Nguyễn Đồng Diễm Trâm	Thành viên BKS	-
1	Đặng Quang Minh	Thành viên BKS	12.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt			2.074.554.366

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Địa chỉ	Thời điểm giao dịch với công ty	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	Cổ đông	Tp. Hồ Chí Minh	31/12/2018	Hợp đồng nguyên tắc hợp tác sản xuất và mua bán hàng hóa.	
2	Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	Cổ đông	Tp. Hồ Chí Minh	01/07/2019	Hợp đồng 11-xăng nhãn hiệu hàng hóa. Giá trị hợp đồng 200.000.000 đồng/năm hợp đồng chưa bao gồm VAT.	Giá trị hợp đồng có thể phát sinh tăng tùy vào sản lượng bán hàng.
3	Tổng Công ty CP Bia Rượu Nước Giải Khát Sài Gòn	Cổ đông	Tp. Hồ Chí Minh	02/03/2020	Hợp đồng mua bán vật liệu và kiểm soát sản xuất năm 2020. Tổng giá trị hợp đồng 366.271.407.882 đồng.	Giá trị hợp đồng là tạm tính
4	Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền	Cổ đông	Tp. Hồ Chí Minh	04/05/2020	Hợp đồng dán tem thùng bia lon lager khuyến mãi 124.691.600 đồng.	Giá trị hợp đồng là tạm tính

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong thời gian qua, Công ty Cổ phần Bia-NGK Sài Gòn Tây Đô luôn chú trọng đến Quản trị công ty và xem đây một yếu tố quan trọng để thúc đẩy và phát triển hoạt động kinh doanh của Công ty cũng như tăng cường lòng tin của nhà đầu tư và tạo điều kiện cho Công ty phát triển bền vững. Trong đó, hệ thống quản trị công ty luôn được xây dựng dựa trên khuôn khổ pháp lý, cơ chế quản lý doanh nghiệp, và tính minh bạch trong hoạt động. Trong năm qua, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng cùng các cấp lãnh đạo trực thuộc các phòng ban của Công ty được tham gia các chương trình đào tạo liên quan để cập nhật kiến thức, nâng cao chuyên môn và các kỹ năng khác. Những hoạt động trên cho thấy TDBECO luôn hướng tới việc hoàn thiện và nâng cao năng lực quản trị công ty, hiệu quả hoạt động, kiện toàn bộ máy tổ chức, không ngừng nỗ lực để khắc phục những mặt hạn chế và phát huy những điểm tốt trong công tác quản trị, tạo nền tảng vững chắc cho Công ty hoạt động hiệu quả trong dài hạn.



PHẦN 6

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1

Ý kiến kiểm toán

2

Báo cáo tài chính được kiểm toán





KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Báo cáo kiểm toán số: 21-01-00325-22-2



Nguyễn Thùy Ninh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4623-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thùy
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3463-2022-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2022

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		221.140.468.623	242.232.444.465
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	6	56.137.423.757	84.017.885.300
Tiền	111		3.837.423.757	3.217.885.300
Các khoản tương đương tiền	112		52.300.000.000	80.800.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		124.500.000.000	105.500.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7(a)	124.500.000.000	105.500.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.728.619.379	13.213.493.249
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.319.957.122	7.304.049.799
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		528.362.334	613.893.575
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	1.880.299.923	5.295.549.875
Hàng tồn kho	140	10	36.555.002.827	39.216.424.752
Tài sản ngắn hạn khác	150		219.422.660	284.641.164
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		215.733.718	284.641.164
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.688.942	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		168.613.839.572	212.351.233.569
Tài sản cố định	220		138.498.197.507	161.866.080.223
Tài sản cố định hữu hình	221	11	138.498.197.507	161.866.080.223
Nguyên giá	222		519.502.982.981	519.171.304.325
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(381.004.785.474)	(357.305.224.102)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.314.223.587	64.674.587
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	1.314.223.587	64.674.587
Đầu tư tài chính dài hạn	250		27.788.077.112	47.100.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	7(c)	5.000.000.000	5.000.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	7(c)	(1.711.922.888)	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	7(b)	24.500.000.000	42.100.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		1.013.341.366	3.320.478.759
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	978.011.366	3.285.148.759
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		35.330.000	35.330.000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		389.754.308.195	454.583.678.034

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		95.943.850.524	153.034.836.324
Nợ ngắn hạn	310		95.943.850.524	153.034.836.324
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	9.073.778.824	6.415.643.141
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		91.664.987	148.350.591
Thuế phải nộp Nhà nước	313	15	35.701.412.793	54.163.543.719
Phải trả người lao động	314		3.361.865.467	4.953.827.854
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		2.084.537.870	1.052.814.900
Phải trả ngắn hạn khác	319		2.253.077.424	2.194.322.739
Vay ngắn hạn	320	16	41.734.700.354	80.000.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	1.642.812.805	4.106.333.380
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		293.810.457.671	301.548.841.710
Vốn chủ sở hữu	410	18	293.810.457.671	301.548.841.710
Vốn cổ phần	411	19	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		21.938.000.000	21.938.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	21	41.451.256.847	41.451.256.847
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		30.421.200.824	38.159.584.863
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.972.584.863	20.150.601.446
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		12.448.615.961	18.008.983.417
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		389.754.308.195	454.583.678.034

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Trần Thanh Phương
 Kế toán tổng hợp

Người kiểm tra:

Phan Duy Linh
 Kế toán trưởng

Người duyệt:

Trần Công Toại
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	291.021.209.186	343.498.434.243
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	260.997.854.376	310.404.612.404
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		30.023.354.810	33.093.821.839
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	8.637.767.752	10.202.345.950
Chi phí tài chính	22	26	3.726.020.330	2.250.077.178
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.014.097.442	2.242.243.437
Chi phí bán hàng	25		989.331.550	1.515.465.278
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	16.490.948.487	16.304.725.466
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.454.822.195	23.225.899.867
Thu nhập khác	31		199.888.783	953.634.769
Chi phí khác	32		49.973.844	245.277.443
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		149.914.939	708.357.326
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.604.737.134	23.934.257.193
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.691.613.356	4.940.273.776
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		13.913.123.778	18.993.983.417
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	30	637	903

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Trần Công Toại
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		17.604.737.134	23.934.257.193
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		23.699.561.372	34.112.815.401
Các khoản dự phòng	03		1.711.922.888	-
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(8.637.767.752)	(10.202.345.950)
Chi phí lãi vay	06		2.014.097.442	2.242.243.437
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		36.392.551.084	50.086.970.081
Biến động các khoản phải thu	09		6.066.591.963	2.407.415.675
Biến động hàng tồn kho	10		2.661.421.925	17.770.524.161
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(15.930.789.200)	4.348.221.935
Biến động chi phí trả trước	12		2.376.044.839	3.530.603.068
			31.565.820.611	78.143.734.920
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.014.097.442)	(2.242.243.437)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(4.422.989.735)	(6.897.415.305)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(3.815.028.392)	(7.242.542.242)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		21.313.705.042	61.761.533.936
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(1.581.227.656)	(60.739.209)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	23		(339.800.000.000)	(253.152.054.800)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	24		338.400.000.000	262.377.418.800
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		12.052.360.717	10.998.221.420
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		9.071.133.061	20.162.846.211

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 VND	2020 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay ngắn hạn	33		231.409.538.790	272.824.920.733
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(269.674.838.436)	(243.893.886.385)
Tiền chi trả cổ tức	36		(20.000.000.000)	(40.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.265.299.646)	(11.068.965.652)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		(27.880.461.543)	70.855.414.495
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		84.017.885.300	13.162.470.805
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	70	6	56.137.423.757	84.017.885.300

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
Kế toán trưởng

Đan Công Toại
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm bia, rượu, nước giải khát có ga và không có ga, sữa đậu nành và nước trái cây các loại; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 123 nhân viên (1/1/2021: 123 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn nắm giữ đến ngày đáo hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa, vật kiến trúc	8 – 15 năm
▪ máy móc và thiết bị	7 – 12 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) **Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(h) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) **Công cụ và dụng cụ**

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(iii) **Tiền thuê đất trả trước**

Tiền thuê đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 15 năm.

(i) **Các khoản phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(j) **Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

Công ty áp dụng Thông tư 180/2012/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 180”), quy định Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho các nhân viên đủ điều kiện. Quy định của Thông tư 180 có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng (“VAS 18”). Chuẩn mực này yêu cầu khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó.

(k) **Vốn cổ phần**

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(l) **Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(m) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(n) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(p) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi cho năm kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Công ty không có các cổ phiếu có tác động suy giảm tiềm năng, và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(s) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Ảnh hưởng của Vi rút Corona

Sự bùng phát của đại dịch Vi rút Corona 2019 (“Covid-19”) tại Việt Nam và các biện pháp kiểm dịch và cách ly do Chính phủ Việt Nam ban hành đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn, bên liên quan, và do đó cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty. Ban Giám đốc Công ty đã điều chỉnh chiến lược kinh doanh và áp dụng các biện pháp kiểm soát chi phí để giảm thiểu tác động tài chính của sự kiện này. Đại dịch Covid-19 vẫn tiếp tục có những ảnh hưởng đáng kể đến Việt Nam và Ban Giám đốc Công ty vẫn tiếp tục theo dõi tình hình đại dịch Covid-19 để đưa ra các giải pháp kinh doanh phù hợp.

5. Báo cáo bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bia. Hoạt động khác là cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và kho bãi; và cung cấp dịch vụ du lịch lữ hành nội địa. Trong năm, hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu và kết quả hoạt động của Công ty, theo đó, thông tin tài chính trình bày trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021 và doanh thu, chi phí trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020 chủ yếu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty.

Về mặt địa lý, Công ty chỉ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Tiền mặt	660.603.415	611.392.332
Tiền gửi ngân hàng	3.176.820.342	2.606.492.968
Các khoản tương đương tiền (*)	52.300.000.000	80.800.000.000
	<u>56.137.423.757</u>	<u>84.017.885.300</u>

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ đáo hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,20% đến 3,90% một năm (1/1/2021: 3,50% đến 4,75% một năm).

7. Các khoản đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 3 tháng kể từ ngày gửi nhưng dưới 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 3,5% đến 5,2% một năm (1/1/2021: 3,3% đến 5,2% một năm).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 12.300 triệu VND (1/1/2021: 6.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với thời gian đáo hạn trên 12 tháng kể từ ngày báo cáo. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn được gửi bằng VND và hưởng lãi suất từ 5,0% đến 5,2% một năm (1/1/2021: 7,7% đến 7,8% một năm).

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 16).

(c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2021		
			Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	(1.711.922.888)
			1/1/2021		
Tên công ty	Số cổ phiếu	% sở hữu và quyền biểu quyết	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang	500.000	4,3%	5.000.000.000	(*)	-

Số dư của dự phòng đầu tư tài chính dài hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện số dự phòng trích lập trong năm (2020: Không).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	1.085.700.022	7.304.049.799
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	234.257.100	-
	<u>1.319.957.122</u>	<u>7.304.049.799</u>

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

9. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Phải thu lãi tiền gửi	1.762.216.299	5.176.809.264
Tạm ứng cho nhân viên	113.083.624	113.740.611
Phải thu khác	5.000.000	5.000.000
	<u>1.880.299.923</u>	<u>5.295.549.875</u>

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	9.573.178.079	-	14.027.648.576	-
Công cụ và dụng cụ	2.111.980.610	-	1.570.464.691	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	15.339.991.466	-	16.592.942.858	-
Thành phẩm	9.529.852.672	-	7.025.368.627	-
	<u>36.555.002.827</u>	<u>-</u>	<u>39.216.424.752</u>	<u>-</u>

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	60.958.922.529	450.069.331.531	7.878.596.832	264.453.433	519.171.304.325
Tăng trong năm	-	331.678.656	-	-	331.678.656
Số dư cuối năm	<u>60.958.922.529</u>	<u>450.401.010.187</u>	<u>7.878.596.832</u>	<u>264.453.433</u>	<u>519.502.982.981</u>
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	45.017.172.032	306.840.992.460	5.183.178.355	263.881.255	357.305.224.102
Khấu hao trong năm	3.348.512.804	19.787.274.174	563.202.216	572.178	23.699.561.372
Số dư cuối năm	<u>48.365.684.836</u>	<u>326.628.266.634</u>	<u>5.746.380.571</u>	<u>264.453.433</u>	<u>381.004.785.474</u>
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	15.941.750.497	143.228.339.071	2.695.418.477	572.178	161.866.080.223
Số dư cuối năm	<u>12.593.237.693</u>	<u>123.772.743.553</u>	<u>2.132.216.261</u>	<u>-</u>	<u>138.498.197.507</u>

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 193.967 triệu VND (1/1/2021: 186.670 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	64.674.587	64.674.587
Tăng trong năm	1.249.549.000	327.512.790
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(327.512.790)
Số dư cuối năm	1.314.223.587	64.674.587

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Bao bì luân chuyển VND	Công cụ và dụng cụ VND	Tiền thuê đất trả trước VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.205.845.967	1.666.094.728	413.208.064	3.285.148.759
Tăng trong năm	356.273.270	72.080.000	-	428.353.270
Phân bổ trong năm	(601.671.260)	(1.720.611.339)	(413.208.064)	(2.735.490.663)
Số dư cuối năm	960.447.977	17.563.389	-	978.011.366

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Các bên liên quan		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.825.582.799	4.532.102.555
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co	44.115.500	23.483.460
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây	13.186.800	-
Các bên thứ ba		
Các nhà cung cấp khác	2.190.893.725	1.860.057.126
Tổng cộng	9.073.778.824	6.415.643.141

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	31/12/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	46.463.812.501	271.885.237.343	(287.225.923.506)	-	31.123.126.338
Thuế giá trị gia tăng	6.100.706.368	55.985.271.079	(37.958.568.678)	(20.373.792.028)	3.753.616.741
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.411.231.760	3.691.613.356	(4.422.989.735)	-	679.855.381
Thuế thu nhập cá nhân	187.793.090	1.164.038.026	(1.207.016.783)	-	144.814.333
Thuế khác	-	7.583.217	(7.583.217)	-	-
Tổng cộng	54.163.543.719	332.733.743.021	(330.822.081.919)	(20.373.792.028)	35.701.412.793

16. Vay ngắn hạn

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2021 Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	80.000.000.000	231.409.538.790	(269.674.838.436)	41.734.700.354

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
▪ Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam (*)	VND	2,9%	41.734.700.354	-
▪ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	VND	3,0 – 3,2%	-	80.000.000.000
Tổng cộng			41.734.700.354	80.000.000.000

(*) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 50.000 triệu VND và được bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.300 triệu VND (Thuyết minh 7(a)) (1/1/2021: bảo đảm bằng đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn có giá trị ghi sổ là 6.000 triệu VND (Thuyết minh 7(a)) và đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn có giá trị ghi sổ là 10.000 triệu VND (Thuyết minh 7(b))).

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được dùng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2021 VND	2020 VND
Số dư đầu năm	4.106.333.380	10.413.875.622
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 18)	187.000.000	-
Trích lập trong năm (Thuyết minh 18)	1.164.507.817	935.000.000
Sử dụng trong năm	(3.815.028.392)	(7.242.542.242)
Số dư cuối năm	1.642.812.805	4.106.333.380

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	60.150.601.446	323.539.858.293
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	18.993.983.417	18.993.983.417
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(935.000.000)	(935.000.000)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(50.000.000)	(50.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(40.000.000.000)	(40.000.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	38.159.584.863	301.548.841.710
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	13.913.123.778	13.913.123.778
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(187.000.000)	(187.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17)	-	-	-	(1.164.507.817)	(1.164.507.817)
Trích quỹ công tác xã hội	-	-	-	(300.000.000)	(300.000.000)
Cổ tức (Thuyết minh 20)	-	-	-	(20.000.000.000)	(20.000.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	200.000.000.000	21.938.000.000	41.451.256.847	30.421.200.824	293.810.457.671

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	200.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

20. Cổ tức

Đại hội đồng cổ đông của Công ty trong năm đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông như sau:

	2021		2020	
	Tỷ lệ trên mệnh giá	VND	Tỷ lệ trên mệnh giá	VND
Cổ tức được duyệt và đã trả trong năm	10%	20.000.000.000	20%	40.000.000.000

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Trong vòng một năm	88.537.544	413.208.071
Từ hai đến năm năm	354.150.174	-
Sau năm năm	885.375.436	-
	1.328.063.154	413.208.071

(b) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày báo cáo, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong Bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 VND	1/1/2021 VND
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	2.894.556.401	3.500.000.000

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	2021 VND	2020 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	286.504.771.627	336.036.738.177
Doanh thu bán thành phẩm đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt	558.390.008.970	653.252.906.701
Thuế tiêu thụ đặc biệt	271.885.237.343	317.216.168.524
▪ Cung cấp dịch vụ	207.746.180	209.109.816
▪ Doanh thu khác	4.308.691.379	7.252.586.250
	291.021.209.186	343.498.434.243

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2021 VND	2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp		
▪ Thành phẩm đã bán	254.030.036.083	306.381.553.215
▪ Giá vốn khác	6.967.818.293	4.023.059.189
	<u>260.997.854.376</u>	<u>310.404.612.404</u>

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 VND	2020 VND
Lãi tiền gửi	8.637.767.752	9.702.345.950
Cổ tức được chia	-	500.000.000
	<u>8.637.767.752</u>	<u>10.202.345.950</u>

26. Chi phí tài chính

	2021 VND	2020 VND
Chi phí lãi vay	2.014.097.442	2.242.243.437
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	1.711.922.888	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	7.833.741
	<u>3.726.020.330</u>	<u>2.250.077.178</u>

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nhân viên	6.622.373.340	7.216.322.977
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.701.392.068	4.950.215.263
Chi phí khấu hao	947.696.359	1.069.184.518
Chi phí quản lý khác	4.219.486.720	3.069.002.708
	<u>16.490.948.487</u>	<u>16.304.725.466</u>

28. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2021 VND	2020 VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	205.632.965.274	217.974.682.993
Chi phí nhân công và nhân viên	26.177.140.161	28.365.183.642
Chi phí khấu hao	23.699.561.372	34.112.815.401
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.946.984.232	24.027.784.636
Chi phí khác	6.897.077.507	6.668.633.400
	<u>277.353.728.546</u>	<u>299.163.300.072</u>

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021 VND	2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Năm hiện hành	3.691.613.356	4.940.273.776

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.604.737.134	23.934.257.193
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	3.520.947.427	4.786.851.439
Chi phí không được khấu trừ thuế	170.665.929	253.422.337
Thu nhập không bị tính thuế	-	(100.000.000)
	3.691.613.356	4.940.273.776

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phần bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền, chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2021 VND	2020 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	13.913.123.778	18.993.983.417
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(1.164.507.817)	(935.000.000)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	12.748.615.961	18.058.983.417

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

Không có biến động số lượng cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020. Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho cả hai năm báo cáo là 20.000.000 cổ phiếu.

31. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn		
Bán thành phẩm (đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt)	555.610.639.470	652.932.037.792
Mua nguyên vật liệu	183.693.588.850	192.497.008.242
Bán nguyên vật liệu	242.435.892	2.646.630.652
Cổ tức đã trả	2.881.500.000	5.763.000.000
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Tây		
Bán thành phẩm	-	3.272.727
Bán nguyên vật liệu	212.961.000	32.940.000
Mua nguyên vật liệu	47.952.000	-
Cổ tức đã trả	1.891.807.000	3.783.614.000
Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương		
Mua hàng hóa	-	34.120.970
Cổ tức đã trả	1.105.000.000	2.210.000.000

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2021 VND	2020 VND
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn		
Phí sử dụng vỏ chai	111.856.063	675.454.545
Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Kiên Giang		
Cổ tức đã nhận	-	500.000.000
Công ty TNHH Một Thành Viên Cơ khí Sa Be Co		
Mua dịch vụ	-	100.000.000
Mua công cụ và dụng cụ	40.105.000	68.958.600
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Hậu		
Mua hàng hóa	109.710.150	88.010.730
Cổ tức đã trả	525.000.000	1.050.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Sông Tiền		
Cổ tức đã trả	525.000.000	1.050.000.000
Thành viên Hội đồng Quản trị		
<i>Thù lao</i>		
Ông Lê Hồng Xanh – Chủ tịch	96.000.000	180.000.000
Ông Văn Thanh Liêm – Thành viên	72.000.000	120.000.000
Bà Nguyễn Thị Kim Cúc – Thành viên	78.000.000	120.000.000
Ông Nguyễn Bích Đạt – Thành viên	72.000.000	120.000.000
Bà Trần Lê Hoa – Thành viên	-	120.000.000
Thành viên Ban kiểm soát		
<i>Thù lao và thu nhập</i>		
Bà Mai Thị Bạch Yến – Trưởng ban	385.060.291	429.296.434
Bà Trần Thị Loan Anh – Thành viên	52.000.000	60.000.000
Bà Nguyễn Đông Diễm Trâm – Thành viên (từ ngày 19 tháng 4 năm 2021)	-	-
Ông Đặng Quang Minh – Thành viên (đến ngày 18 tháng 4 năm 2021)	12.000.000	60.000.000
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương, thưởng và phúc lợi khác	2.074.554.366	2.219.699.733

Công ty Cổ phần Bia - Nước Giải Khát Sài Gòn - Tây Đô
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Người kiểm tra:

Người duyệt:

Trần Thanh Phương
 Kế toán tổng hợp

Phan Duy Linh
 Kế toán trưởng

Trần Công Toại
 Tổng Giám đốc





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN BIA - NƯỚC GIẢI KHÁT SÀI GÒN - TÂY ĐÔ

Cần Thơ, ngày 12 tháng 04 năm 2022

XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



LE HỒNG XANH